

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ DỰ BÁO

DIỄN ĐÀN
HIỆN THỰC HÓA CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ
TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI VIỆT NAM:
THÚC ĐẨY DÒNG VỐN XANH

HÀ NỘI, NGÀY 10 THÁNG 9 NĂM 2024



CHƯƠNG TRÌNH DIỄN ĐÀN
“HIỆN THỰC HÓA CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI VIỆT NAM: THỨC ĐẨY DÒNG VỐN XANH”

Thời gian : 8:30 - 11:30, ngày 10/9/2024

Địa điểm : Phòng Jaune A&B, tầng 2, Hotel Du Parc Hà Nội, 84 Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Đơn vị chủ trì : Tạp chí Kinh tế và Dự báo

THỜI GIAN	NỘI DUNG	TRÌNH BÀY
8:30 - 8:45	Phát biểu khai mạc và đề dẫn Diễn đàn	Bà Đỗ Thị Phương Lan , Tổng Biên tập Tạp chí Kinh tế và Dự báo
8:45 - 9:05	Khái quát thực trạng và một số giải pháp định hướng hoàn thiện khung pháp lý đối với tài chính xanh ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu Net-Zero	Đại diện Vụ Tài chính, tiền tệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
9:05 - 9:25	Tài chính xanh góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng xanh: Kết quả bước đầu tích cực và nhận diện thách thức	TS. Nguyễn Thanh Nga - Phó Viện trưởng Viện Chiến lược và chính sách tài chính - Bộ Tài chính
9:25 - 9:45	Định hướng phát triển các công cụ tài chính xanh tại Việt Nam nhìn từ chiến lược phát triển Thị trường chứng khoán đến năm 2030	Ông Tô Trần Hòa , Phó Vụ trưởng Vụ Phát triển thị trường - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
9:45 - 10:05	Tài chính xanh - Thực trạng và giải pháp đối với Việt Nam	TS. Cấn Văn Lực , Chuyên gia Kinh tế trưởng BIDV kiêm Giám đốc Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV, Thành viên Hội đồng tư vấn chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia
10:05 - 10:25	Phát triển tài chính xanh ở Việt Nam: Nhìn từ góc độ doanh nghiệp	Bà Diệp Thị Kim Hoàn , Giám đốc Phát triển Bền vững, Tổ hợp Khu công nghiệp DEEP C
10:25 - 10:45	Vai trò của quỹ đầu tư trong kết nối dòng vốn xanh cho doanh nghiệp	Ông Quan Đức Hoàng , Thành viên HĐQT Công ty Quản lý quỹ Amber, Chủ tịch Quỹ đầu tư A+
10:45 - 11:15	Đổi thoại: Các nỗ lực thúc đẩy nguồn vốn xanh tại Việt Nam	- Người điều phối: TS. Võ Trí Thành - Diễn giả: Đại diện Vụ Tài chính, tiền tệ; Ông Tô Trần Hòa; TS. Cấn Văn Lực; Bà Diệp Thị Kim Hoàn; Ông Mathias Deferme; Ông Quan Đức Hoàng.
11:15 - 11:30	Tổng kết Diễn đàn	TS. Võ Trí Thành , Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiến lược Thương hiệu và Cạnh tranh

Bài phát biểu của Tổng Biên tập Tạp chí Kinh tế và Dự báo tại Diễn đàn:

“Hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tại Việt Nam: Thúc đẩy dòng vốn xanh”

Kính thưa các quý vị đại biểu,

Thay mặt Ban tổ chức, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các quý vị đại biểu đã đến tham dự Diễn đàn “Hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tại Việt Nam: Thúc đẩy dòng vốn xanh”.

Thưa các quý vị,

Cuối tuần qua, chúng ta đã chứng kiến và trải qua sự tàn phá khủng khiếp của Bão số 3 Yagi. Đây là cơn bão rất đặc biệt, bão hình thành phía Đông của Philippines nhưng mạnh lên thành siêu bão trên Biển Đông và là cơn bão mạnh nhất trên Biển Đông trong vòng 30 năm qua.

Tính đến 17 giờ ngày 8/9, theo số liệu thông tin thiệt hại ban đầu tại một số địa phương do bão số 3 gây ra từ Cục Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), các tỉnh, thành phố Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Hà Nội, Lào Cai, Hòa Bình, Yên Bái, Lạng Sơn, Quân khu 3 ghi nhận 22 người chết, mất tích; 229 người bị thương. Tỉnh Quảng Ninh thống kê có 25 tàu xi măng và gỗ loại nhỏ bị chìm tại nơi neo đậu. Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Hải Dương, Hà Nội bị mất điện, mất liên lạc trên diện rộng.

Đặc biệt, tối 7/9, tâm bão Yagi quét qua Thủ đô của chúng ta gây mưa to và giông lốc suốt 7 tiếng. Gió bão giật cấp 10, mạnh chưa từng có 30 năm qua khiến cây đổ la liệt khắp. Thống kê sơ bộ cho thấy, bão Yagi quét qua Thủ đô làm 3 người thiệt mạng, 8 người bị thương. TP Hà Nội ghi nhận 274 nhà dân và công trình khác bị tốc mái nhà lợp tôn, 4 nhà mái tôn bị sập, nhiều cột điện bị đổ. Ngoài ra còn có gần 100 ô tô, xe máy bị hư hỏng.

Có thể thấy, cơn bão Yagi là điển hình cho diễn biến ngày càng thất thường và khắc nghiệt của biến đổi khí hậu, cũng cho thấy sự khốc liệt của thiên tai.

Thưa các quý vị,

Trong bối cảnh đó, việc chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh là hết sức cần thiết, cấp bách trong bối cảnh hiện nay. Nối tiếp Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050, ngày 01/10/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn năm 2050 với mục tiêu tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội, hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa carbon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu.

Để đạt được các mục tiêu về tăng trưởng xanh, Việt Nam cần nguồn lực rất lớn. Theo ước tính của Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), để

thực hiện cam kết phát thải ròng về 0 vào năm 2050, Việt Nam cần khoảng 330-370 tỷ USD. Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, nhu cầu tài chính cho các biện pháp giảm phát thải trong từng lĩnh vực theo cam kết môi trường của Việt Nam đến năm 2030 là khoảng 68,75 tỷ USD. Trong đó, nguồn quốc gia tự thực hiện dự báo khoảng 24,722 tỷ USD, chiếm 36% và nhu cầu đối với nguồn lực hỗ trợ của quốc tế dự kiến khoảng 44,028 tỷ USD, chiếm 64%.

Đặc biệt, Việt Nam cần nhiều nguồn lực hơn nữa để đạt được các cam kết về khí hậu theo Hội nghị Thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc lần thứ 26 (COP26), nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và các mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững quốc gia. Do đó, việc huy động và phân bổ hiệu quả nguồn lực tài chính trong và ngoài nước, từ các khu vực khác nhau trong nền kinh tế là rất quan trọng và cấp thiết nhằm đáp ứng các mục tiêu tăng trưởng xanh, hướng đến phát triển bền vững.

Thưa các quý vị,

Nguồn lực tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh ở Việt Nam đã được xác định trong Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 882/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/7/2022) bao gồm: Nguồn lực từ ngân sách nhà nước (như ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, chính sách ưu đãi về thuế); nguồn lực từ khu vực tư nhân (như tín dụng xanh, trái phiếu doanh nghiệp xanh; thu từ trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon...); nguồn lực từ hỗ trợ quốc tế (ODA, vốn hỗ trợ và vay ưu đãi cho tăng trưởng xanh); và nguồn cộng đồng xã hội khác (vốn huy động công - tư cho các dự án xanh, các quỹ trong nước nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu).

Ngày 22/7/2022, Chính phủ ban hành Quyết định số 882/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 (Kế hoạch hành động quốc gia), kèm theo danh mục nhiệm vụ, hoạt động triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia; trong đó, có Mục 4 (Huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh), gồm các tiêu mục liên quan đến nhiệm vụ hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến tài chính xanh như: Xây dựng và hoàn thiện chính sách về thu, chi ngân sách nhà nước đối với các hoạt động hướng tới tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh; Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho trái phiếu xanh (trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp), bảo hiểm xanh (gồm xây dựng danh mục các sản phẩm bảo hiểm xanh nhằm bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm môi trường đối với các ngành có rủi ro môi trường cao, sản phẩm bảo hiểm rủi ro khí hậu); Phát triển thị trường carbon tại Việt Nam, gồm xây dựng, thành lập sàn giao dịch tín chỉ carbon theo cơ chế thị trường; nghiên cứu cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động thị trường carbon; xây dựng cơ chế và cách thức vận hành thị trường carbon, quy định kết nối sàn giao dịch tín chỉ carbon trong nước với thị trường carbon khu vực và thế giới.

Đặc biệt, vấn đề huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh cũng là một định hướng được chú trọng trong Chiến lược tài chính đến năm 2030 (Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022). Trong đó, Chiến lược

nêu rõ quan điểm, mục tiêu về cân đối nguồn lực phát triển hài hòa giữa kinh tế với xã hội và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Để thực hiện các quan điểm, mục tiêu này, Chiến lược tài chính đến năm 2030 cũng đề ra những giải pháp hướng đến huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho các hoạt động kinh tế xanh và bảo vệ môi trường; tạo điều kiện thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, giải quyết hài hòa các vấn đề phát triển kinh tế, xã hội và môi trường; phát triển thị trường vốn, thị trường bảo hiểm xanh...

Với vai trò huyết mạch của nền kinh tế, hoạt động tín dụng ngân hàng đóng vai trò quan trọng, hỗ trợ tích cực cho phát triển kinh tế, trong đó có các dự án xanh. Theo thông tin từ Ngân hàng Nhà nước, giai đoạn 2017-2023, dư nợ cấp tín dụng xanh của hệ thống có mức tăng trưởng bình quân đạt hơn 22%/năm. Đến ngày 31/12/2023, đã có 47 tổ chức tín dụng phát sinh dư nợ tín dụng xanh đạt 620.984 tỷ đồng, tăng 24% so với cuối năm 2022, chiếm tỷ trọng khoảng 4,5% tổng dư nợ toàn nền kinh tế, tập trung chủ yếu vào các ngành năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (chiếm tỷ trọng gần 45%) và nông nghiệp xanh (gần 30%). Cũng đến ngày 31/12/2023, dư nợ được đánh giá rủi ro môi trường và xã hội đạt 2,84 triệu tỷ đồng, chiếm hơn 20%/tổng dư nợ cho vay của nền kinh tế, tăng hơn 20% so với cuối năm 2022...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc huy động và phát triển dòng vốn xanh cho tăng trưởng xanh và phát triển bền vững vẫn gặp phải một số tồn tại, hạn chế nhất định, như: Hệ thống pháp luật về tài chính xanh của Việt Nam vẫn chưa được hoàn thiện, đồng bộ; Chưa có quy định chung của quốc gia về tiêu chí, danh mục dự án xanh cho các ngành, các lĩnh vực theo hệ thống phân ngành kinh tế, làm căn cứ để các tổ chức tín dụng xác định cấp tín dụng xanh; Hệ thống thông tin, tuyên truyền và sự hiểu biết về cổ phiếu xanh, trái phiếu xanh còn nhiều hạn chế.

Thưa các quý vị đại biểu,

Nhằm cung cấp cho đại biểu những thông tin chính sách huy động dòng vốn xanh ở Việt Nam; Chia sẻ kinh nghiệm huy động dòng vốn xanh thành công từ một số doanh nghiệp; Đồng thời, tạo diễn đàn trao đổi giữa các nhà hoạch định chính sách và cộng đồng doanh nghiệp trong việc làm sao thúc đẩy nguồn vốn xanh, giúp hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng xanh, hôm nay, Tạp chí Kinh tế và Dự báo tổ chức Diễn đàn **“Hiện thực hóa chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tại Việt Nam: Thúc đẩy dòng vốn xanh”**.

Tại Diễn đàn này, chúng tôi mong nhận được sự tham gia và trao đổi tích cực, mang tính xây dựng của các quý vị đại biểu.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Diễn đàn **“Hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tại Việt Nam: Thúc đẩy dòng vốn xanh”**

Chúc Diễn đàn thành công tốt đẹp

Chúc các quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn./.

VỤ TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2024

*Tác giả: Lê Hoàng Lân – Chuyên viên chính Vụ
Tài chính, tiền tệ*

Khái quát thực trạng và một số giải pháp định hướng hoàn thiện khung pháp lý đối với tài chính xanh ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu Net-Zero.

Triển khai thực hiện chiến lược Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 đã có những kết quả bước đầu đáng ghi nhận, góp phần cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài; phát triển hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu, song việc thu hút tham gia từ khu vực kinh tế tư nhân, các doanh nghiệp trong nền kinh tế còn chưa được đẩy mạnh, để khai thác hết tiềm năng các nguồn vốn xanh thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh, tác giả bài tham luận nhận thấy cần thiết phải đánh giá tổng thể toàn diện về hiện trạng của lĩnh vực tài chính xanh ở Việt Nam, từ đó, đề xuất một số giải pháp giải pháp định hướng hoàn thiện khung pháp lý đối với tài chính xanh ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu Net-Zero.

1. Khái quát hoạt động của doanh nghiệp đối với kinh tế xanh

- Theo đánh giá của Ủy ban châu Âu, quy mô thị trường toàn cầu hiện nay cho các sản phẩm và dịch vụ xanh ước tính đạt hơn 5.000 tỷ USD và có tốc độ tăng trưởng cao hơn nhiều so với các thị trường truyền thống. Dự báo đến năm 2030, nền kinh tế xanh sẽ tạo ra khoảng 24 triệu việc làm mới trên toàn cầu. Kinh tế xanh còn tạo cơ hội thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư vào nhiều lĩnh vực mới như: Năng lượng tái tạo, giao thông thông minh, nông nghiệp thông minh, đô thị-công trình xanh, tài chính xanh... Theo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng, với Việt Nam, tăng trưởng xanh hướng tới sự thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội, là lựa chọn tất yếu. Đây cũng là cơ hội để Việt Nam trở thành quốc gia tiên phong trong khu vực, bắt kịp xu thế phát triển của thế giới.

Việt Nam đang đặt ra những mục tiêu rất cao, đó là đến năm 2050 giảm phát thải ròng carbon bằng 0; quy mô nền kinh tế xanh từ 6,7 tỷ USD năm 2020 lên đến 300 tỷ USD trong tổng GDP quốc gia vào năm 2050. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Việt Nam cần nhiều bước đi đột phá, đặc biệt thu hút sự đồng hành của khu vực kinh tế tư nhân. Xanh hóa nền kinh tế là chặng đường chuyển đổi tư duy và chính sách toàn diện, cần có lộ trình cụ thể và huy động đủ các nguồn lực. Theo ước tính của WB, từ nay đến năm 2040, Việt Nam cần khối lượng vốn đầu tư khoảng 370 tỷ USD để đáp ứng với yêu cầu tăng trưởng xanh, trong đó vai trò đóng góp của khu vực doanh nghiệp tư nhân là hết sức quan trọng.

- Doanh nghiệp bắt nhịp sản xuất xanh: Xu hướng tiêu dùng xanh ngày càng được người tiêu dùng tại nhiều quốc gia coi trọng, đòi hỏi các nhà sản xuất phải thay đổi chiến lược, đầu tư công nghệ để đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường. Để không bị loại ra trong chuỗi cung ứng toàn cầu, sản xuất xanh đang trở thành một trong những mô hình được nhiều doanh nghiệp Việt Nam hướng tới. Sản xuất xanh hiểu đơn giản là quy trình sản xuất giảm thiểu lượng phát thải carbon ra môi trường. Mục tiêu là trong vòng 5 năm tới, các nhà máy được đầu tư theo tiêu chuẩn cũ sẽ giảm thiểu được 30-50% lượng phát thải carbon ra môi trường. Trong khi đó, các dự án mới sẽ ứng dụng ngay những giải pháp xanh từ khâu nguyên liệu đến sản xuất và phân phối, như sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên, điện mặt trời, xe nâng điện, đóng gói tự động... Hiện tại, một số doanh nghiệp đã thay đổi từ việc sử dụng nhiên liệu than trong sản xuất sang sử dụng chất đốt sinh thái như trấu, vỏ điều, viên nén mùn cưa...; hoàn thiện hệ thống điện mặt trời áp mái, xây dựng dây chuyền sản xuất đá thiêu kết theo tiêu chí nhà máy xanh, với số vốn đầu tư gấp 4 lần theo tiêu chuẩn cũ..., trong khi đó các đối tác nước ngoài sẵn sàng trả giá cao cho sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn xanh ở Việt Nam

- Tuy nhiên, các doanh nghiệp cũng còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình chuyển đổi xanh. Các dự án xanh hiện tại còn dàn trải, phân mảnh, chủ yếu được tổ chức theo từng bộ ngành, lĩnh vực, thiếu cơ chế hỗ trợ xuyên suốt cho các công nghệ xanh mới và đột phá. Nguyên nhân chính là các doanh nghiệp đầu tư gặp khó khăn trong quá trình cập nhật thông tin phân tích thị trường, khó đưa ra lựa chọn dự án và địa điểm phù hợp, hạn chế trong việc hợp tác với cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp khác để phối hợp triển khai các dự án trọng điểm, vì vậy, làm chậm quá trình chuyển giao công nghệ, đặc biệt đối với các công nghệ và các lĩnh vực ưu tiên, giảm động lực của doanh nghiệp và những cá nhân muốn tham gia vào các sáng kiến xanh, dẫn đến chậm trễ trong việc hình thành một hệ sinh thái kinh tế xanh toàn diện. Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn khá khó khăn về vốn để có nguồn lực mở rộng sản xuất, từng bước trở thành doanh nghiệp xanh, hằng năm, mỗi doanh nghiệp yêu cầu quy mô vốn đầu tư cho máy móc, công nghệ, nhưng nguồn vốn vay từ ngân hàng với lãi suất ưu đãi, hay từ quỹ đầu tư đôi mới sáng tạo vẫn rất khiêm tốn với nhu cầu của doanh nghiệp.

2. Thực trạng khuôn khổ pháp lý tài chính xanh ở Việt Nam

2.1. Chính sách, định hướng phát triển tài chính xanh

- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội (Điều 139. Tổ chức và phát triển thị trường các-bon).

- Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 về giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô zôn

- Các Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; Quyết định số 403/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020; Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 về ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính

2.2. Các quy định pháp lý về tín dụng xanh:

- Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/3/2015 của Thống đốc NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng.

- Quyết định số 1552/QĐ-NHNN ngày 06/8/2015 của Thống đốc NHNN ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020

- Sổ tay năm 2015 về hướng dẫn quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng đối với 15 ngành kinh tế.

- Các chính sách tín dụng khuyến khích phát triển việc sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết, ứng dụng công nghệ cao theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, trong đó (Điểm 4) có quy định nguyên tắc cho vay của TCTD đối với khách hàng phải phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Triển khai Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 07/3/2017; triển khai việc cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg; triển khai chương trình cho vay tái canh cây cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2014 – 2020; hướng dẫn, triển khai một số chương trình cho vay trồng rừng...

- Quyết định số 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 của Thống đốc NHNN ban hành về Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ.

- Văn bản số 9050/NHNN-TD ngày 03/11/2017 hướng dẫn các TCTD báo cáo tình hình cấp tín dụng đối với các lĩnh vực xanh và đánh giá rủi ro môi trường, xã hội trong hoạt động cấp tín dụng.

- Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 07/8/2018 của Thống đốc NHNN về việc phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam, trong đó xác định mục tiêu hướng dòng vốn tín dụng vào việc tài trợ dự án thân thiện với môi trường.

- Quyết định số 1731/QĐ-NHNN ngày 31/8/2018 của Thống đốc NHNN ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

- Thông tư số 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022 của Thống đốc NHNN hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Quyết định số 1408/QĐ-NHNN ngày 26/7/2023 về Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 và Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội

ng nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu

* Những khó khăn vướng mắc còn tồn tại của hoạt động tín dụng trong lĩnh vực tăng trưởng xanh hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn:

- Chưa có quy định, định nghĩa, tiêu chuẩn về các danh mục các ngành/lĩnh vực xanh để có thể áp dụng chung, thống nhất cho cả nước dẫn tới việc thiếu cơ sở để các TCTD căn cứ lựa chọn, thẩm định, đánh giá và giám sát khi thực hiện cấp tín dụng xanh.

- Việc đầu tư vào các ngành/lĩnh vực xanh, nhất là lĩnh vực năng lượng tái tạo, tiết kiệm và hiệu quả năng lượng tại Việt Nam hiện nay thường đòi hỏi thời gian hoàn vốn dài, chi phí đầu tư lớn, rủi ro thị trường cao nên rất cần các ưu đãi về thời hạn và chi phí vốn vay. Trong khi nguồn vốn huy động của các TCTD thường là ngắn hạn, huy động theo chi phí vốn thương mại trên thị trường;

- Nhiều quy định hướng dẫn trong việc thúc đẩy tăng trưởng, kế hoạch hành động, khuyến khích phát triển tín dụng xanh, các khách hàng thuộc đối tượng cấp vốn tín dụng xanh sẽ được ưu đãi về chính sách tín dụng, đặc biệt là chính sách lãi suất. Tuy nhiên, chưa có văn bản pháp luật quy định cụ thể về việc hỗ trợ ưu đãi lãi suất và thời hạn đối với các khoản vay này.

- Trong quá trình xây dựng và đề xuất một số dự án tài trợ cho các ngành/lĩnh vực xanh thông qua hệ thống ngân hàng, NHNN gặp phải một số khó khăn vướng mắc liên quan đến cơ chế tài chính;

- Hệ thống văn bản mới chú trọng đến yếu tố môi trường mà chưa được cụ thể hóa các yếu tố mang tính ràng buộc, đặc biệt là sự ràng buộc về yếu tố xã hội và quản trị.

2.3. Một số quy định thuộc nhóm trái phiếu xanh:

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1191/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Nghị định số 163/2018/NĐ-CP, ngày 04/12/2018 của Chính phủ quy định nguyên tắc phát hành và sử dụng vốn trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 153/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 tiếp tục bổ sung chi tiết cho Nghị định số 163/2018/NĐ-CP. Thông tư 122/2020/TT-BTC

- Nghị định số 95/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán

- Khoản 2 Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định, nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh phải được hạch toán, theo dõi theo quy định của pháp luật về trái phiếu và sử dụng cho dự án đầu tư thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường...

- Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Theo đó, công ty niêm yết có thể lập riêng báo cáo phát triển bền vững hoặc trình bày tích hợp trong báo cáo thường niên. Nội dung doanh nghiệp phải

báo cáo tác động đến môi trường và xã hội, cụ thể bao gồm 06 vấn đề: (1) Quản lý nguồn nguyên liệu; (2) Tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước; (3) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; (4) Chính sách liên quan đến người lao động; (5) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương; (6) Báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh.

Nhìn chung, theo Bộ Tài chính, trong giai đoạn 2019 - 2023, Việt Nam đã phát hành khoảng 1,16 tỷ USD trái phiếu xanh, tuy nhiên, lượng trái phiếu xanh phát hành còn hạn chế, vì thị trường vẫn đang trong giai đoạn mới và chưa có nhiều nhà đầu tư quan tâm. Nguyên nhân chủ yếu như nhiều dự án xanh có quy mô nhỏ chưa đáp ứng các ngân hàng, tổ chức tài chính lớn trên thế giới; nhiều tổ chức phát hành (các bộ, ngành, chính quyền địa phương, doanh nghiệp...) vẫn chưa thực sự quan tâm đến việc huy động vốn qua kênh phát hành trái phiếu xanh; số lượng ít các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian như tổ chức định mức tín nhiệm, tổ chức kiểm định để xác định dự án có thực sự “xanh”, tổ chức đánh giá độc lập...

3. Một số giải pháp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý tài chính xanh ở Việt Nam

3.1. Nhóm tín dụng xanh

- Để có thể cung cấp các khoản tín dụng với thời hạn dài và lãi suất ưu đãi cho các ngành/lĩnh vực xanh, các TCTD cần được hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn dài hạn, ưu đãi hoặc có cơ chế chia sẻ lãi suất cho vay với các TCTD.

- Sớm xây dựng có quy định, định nghĩa, tiêu chuẩn về các danh mục các ngành/lĩnh vực xanh để có thể áp dụng chung, thống nhất cho cả nước.

- Phát triển các ngành kinh tế xanh đòi hỏi đồng bộ các giải pháp, cơ chế từ chính sách thuế, phí, vốn, kỹ thuật, thị trường, đến quy hoạch, chiến lược phát triển của từng ngành, lĩnh vực; trên cơ sở đó mới thu hút và phát huy được tác dụng của nguồn vốn tín dụng xanh.

- Nhận thức và năng lực của các TCTD trong phát triển các sản phẩm tín dụng xanh mới ở bước đầu và còn hạn chế. Do đó, đòi hỏi có sự hỗ trợ nhằm tăng cường năng lực cho các TCTD trong việc lựa chọn, thẩm định, giám sát các khoản cấp tín dụng xanh.

3.2. Nhóm trái phiếu xanh

- Tăng cường minh bạch công bố thông tin của các doanh nghiệp phát hành trái phiếu xanh, các báo cáo về sử dụng nguồn vốn từ trái phiếu xanh cần được đánh giá một cách minh bạch, khách quan từ tổ chức có chuyên môn và được công khai để bất cứ nhà đầu tư nào cũng có thể theo dõi nguồn vốn của mình trong từng dự án xanh.

- Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước về thị trường chứng khoán cần xây dựng lộ trình hoàn chỉnh và thống nhất cho các doanh nghiệp trong tất cả các khâu từ lập kế hoạch, các bước chuẩn bị cho việc phát hành, nguyên tắc phát

hành, cách hạch toán, thanh toán trái phiếu đến ngày đáo hạn và sử dụng nguồn thu từ việc phát hành. Nâng cao năng lực để phát triển sản giao dịch trái phiếu xanh

- Chính phủ Việt Nam cần đề ra chính sách ưu đãi nhất định nhằm khuyến khích các nhà đầu tư mua trái phiếu xanh, trong khi mức thuế đánh trên các công cụ nợ cao hơn có thể làm giảm tính hấp dẫn của trái phiếu

3.3. Xây dựng định hướng cho doanh nghiệp các danh mục dự án xanh ưu tiên, ưu đãi theo lộ trình từ nay đến 2050

Để huy động được nguồn lực từ khu vực kinh tế tư nhân, các tổ chức tín dụng tham gia vào tăng trưởng xanh, Chính phủ Việt Nam phải khuyến khích thúc đẩy môi trường thể chế, pháp luật để khu vực tư nhân đầu tư vào những ngành chủ yếu gây phát thải như năng lượng, giao thông, nông nghiệp và sản xuất nhanh hơn, đơn giản hơn, rẻ hơn, doanh nghiệp có áp dụng quy trình tái chế trong quá trình sản xuất, bao gồm: nguyên liệu đầu vào, nhiên liệu trong sản xuất, sản phẩm đầu ra có khả năng tái chế tuần hoàn. Xây dựng các nhóm ngành khuyến khích, ưu đãi đầu tư như:

+ Nghiên cứu ứng dụng các ngành sản xuất năng lượng tái tạo mới: Quang điện mặt trời và nhiệt mặt trời, Máy điện phân và pin nhiên liệu, Điện gió trên bờ và năng lượng tái tạo ngoài khơi, Khí sinh học/biomethane bền vững, Pin và công nghệ lưu trữ năng lượng, Máy bơm nhiệt và năng lượng địa nhiệt...

+ Nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng hydro sạch; Giao thông vận tải xanh và logistic xanh; Nghiên cứu ứng dụng các ngành sản xuất nhiên liệu sinh học, nhiên liệu sạch cho phương tiện giao thông vận tải.

+ Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ lưu trữ carbon; Nghiên cứu ứng dụng các ngành sản xuất nhiên liệu sinh học, nhiên liệu sinh khối;

+ Công nghệ mới phát triển nông nghiệp tuần hoàn, bền vững; Công nghệ mới trong xử lý nước thải, rác thải; Phát triển công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng theo hướng hiện đại hóa công nghệ sản xuất, sử dụng các loại nhiên liệu xanh, sạch, thân thiện với môi trường; Phát triển các công trình xây dựng xanh, phát thải carbon thấp, chống chịu với biến đổi khí hậu;...

Tóm lại

Để thúc đẩy nền tài chính xanh ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu Net-Zero, Nhà nước cần có các chiến lược, chính sách và giải pháp cần thiết bảo đảm để thu hút các nguồn vốn từ nền kinh tế, từ hệ thống ngân hàng thương mại, các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Sớm xây dựng hệ thống Danh mục xanh, trong đó, cần được xác lập chi tiết, có các chỉ tiêu đánh giá cụ thể và rõ ràng, là cơ sở cho các doanh nghiệp, khối ngân hàng và các quỹ tài chính trong và ngoài nước tham gia vào quá trình tăng trưởng tài chính xanh.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Khái quát thực trạng và một số giải pháp định hướng hoàn thiện khung pháp lý đối với tài chính xanh ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu Net-Zero

Tác giả: Lê Hoàng Lê – Chuyên viên chính Vụ Tài chính, tiền tệ

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2024

NỘI DUNG

01

Khái quát hoạt động của doanh nghiệp đối với kinh tế xanh

02

Chính sách, định hướng phát triển tài chính xanh

03

Thực trạng các quy định pháp lý về tín dụng xanh, trái phiếu xanh ở Việt Nam

04

Một số giải pháp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý tài chính xanh ở Việt Nam

1. Khái quát hoạt động của doanh nghiệp đối với kinh tế xanh

Doanh nghiệp bắt nhịp sản xuất xanh: các nhà sản xuất phải thay đổi chiến lược, đầu tư công nghệ để đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường. Mục tiêu là trong vòng 5 năm tới, các nhà máy được đầu tư theo tiêu chuẩn cũ sẽ giảm thiểu được 30-50% lượng phát thải carbon ra môi trường.

Bước đầu ứng dụng những giải pháp xanh từ khâu nguyên liệu đến sản xuất và phân phối, như sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên, điện mặt trời, xe nâng điện, đóng gói tự động... thay đổi từ việc sử dụng nhiên liệu than trong sản xuất sang sử dụng chất đốt sinh thái như trấu, vỏ điều, viên nén mùn cưa...; hoàn thiện hệ thống điện mặt trời áp mái, dây chuyền sản xuất đã thiêu kết.

Các dự án xanh hiện tại còn dàn trải, phân mảnh, chủ yếu được tổ chức theo từng bộ ngành, lĩnh vực, thiếu cơ chế hỗ trợ xuyên suốt cho các công nghệ xanh mới và đột phá. Các doanh nghiệp đầu tư gặp khó khăn trong quá trình cập nhật thông tin phân tích thị trường, khó đưa ra lựa chọn dự án và địa điểm phù hợp..., cũng như nhu cầu về vốn để mở rộng phát triển sản xuất, từng bước trở thành doanh nghiệp xanh.

2. Chính sách, định hướng phát triển tài chính xanh

Một số chính sách chủ yếu:

- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: Điều 139 về Tổ chức và phát triển thị trường các-bon) và Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 về giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô zôn.
- Các Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; Quyết định số 403/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020; Quyết định số 882/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030.
- Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 về ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính

3. Thực trạng các quy định pháp lý về tín dụng xanh, trái phiếu xanh ở Việt Nam

3.1 Các quy định pháp lý về tín dụng xanh

Một số căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 1552/QĐ-NHNN ngày 06/8/2015 ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020
- Quyết định số 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 ban hành về Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ.
- Quyết định số 1408/QĐ-NHNN ngày 26/7/2023 về Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 và Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của LHQ về biến đổi khí hậu...

3.1 Các quy định pháp lý về tín dụng xanh (tiếp theo)

Một số khó khăn, vướng mắc

- Chưa có quy định, định nghĩa, tiêu chuẩn thống nhất chung về các danh mục các ngành/lĩnh vực xanh ⇒ thiếu cơ sở để các TCTD căn cứ lựa chọn, thẩm định, đánh giá và giám sát
- Việc đầu tư vào các ngành/lĩnh vực xanh thường đòi hỏi thời gian hoàn vốn dài, chi phí đầu tư lớn, rủi ro thị trường cao ⇒ các ưu đãi về thời hạn và chi phí vốn vay nhưng thiếu các văn bản pháp luật quy định liên quan và nguồn vốn huy động của các TCTD thường là ngắn hạn, huy động theo chi phí vốn thương mại trên thị trường.
- Hệ thống văn bản mới chú trọng đến yếu tố môi trường mà chưa được cụ thể hóa các yếu tố mang tính ràng buộc, đặc biệt là sự ràng buộc về yếu tố xã hội và quản trị.

3.2 Một số quy định thuộc nhóm trái phiếu xanh

- Quyết định số 1191/QĐ-TTg phê duyệt Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- Nghị định số 163/2018/NĐ-CP, ngày 04/12/2018 quy định nguyên tắc phát hành và sử dụng vốn trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 153/2020/NĐ-CP bổ sung chi tiết cho Nghị định số 163/2018/NĐ-CP. Thông tư 122/2020/TT-BTC.
- Khoản 2 Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định, nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh phải được hạch toán, theo dõi theo quy định của pháp luật về trái phiếu và sử dụng cho dự án đầu tư thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường...
- Nghị định số 95/2018/NĐ-CP quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán

4. Một số giải pháp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý tài chính xanh ở Việt Nam

- Sớm xây dựng có quy định, định nghĩa, tiêu chuẩn về các danh mục các ngành/lĩnh vực xanh để có thể áp dụng chung, thống nhất cho cả nước.
- Phát triển các ngành kinh tế xanh đòi hỏi đồng bộ các giải pháp, cơ chế từ chính sách thuế, phí, vốn, kỹ thuật, thị trường, đến quy hoạch, chiến lược phát triển của từng ngành, lĩnh vực.
- Tăng cường năng lực cho các TCTD như lựa chọn, thẩm định, giám sát các khoản cấp tín dụng xanh,...
- Các TCTD cần được hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn dài hạn, ưu đãi hoặc có cơ chế chia sẻ lãi suất cho vay với các TCTD...
- Cần xây dựng lộ trình hoàn chỉnh và thống nhất cho các doanh nghiệp trong tất cả các khâu từ việc phát hành, nguyên tắc phát hành, cách hạch toán, thanh toán trái phiếu đến ngày đáo hạn và sử dụng nguồn thu từ việc phát hành...
- Tăng cường các quy định pháp lý để đảm bảo các doanh nghiệp phát hành trái phiếu xanh minh bạch công bố thông tin phát hành, sử dụng vốn, tiến độ giải ngân...



THANK YOU

TIỀN GỬI
XANH ĐỒNG HÀNH BỀN VỮNG

GREEN DEPOSIT
COLLABORATE FOR SUSTAINABILITY



DÀNH CHO TIỀN GỬI
VND, USD, EUR

CURRENCIES
VND, USD, EUR

☎ 1900 558 886
www.vietinbank.vn

VietinBank 

TÀI CHÍNH XANH GÓP PHẦN ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG XANH: KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU TÍCH CỰC VÀ NHẬN DIỆN THÁCH THỨC

Viện Chiến lược và chính sách tài chính, Bộ Tài chính

Tài chính xanh đóng vai trò then chốt trong việc đổi mới mô hình tăng trưởng xanh. Tài chính xanh thúc đẩy sự chuyển dịch từ các mô hình kinh tế truyền thống sang những phương thức sản xuất và tiêu dùng ít các-bon hơn bằng cách cung cấp nguồn lực cần thiết, hướng dòng vốn đầu tư vào các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, giao thông công cộng sạch và công trình xanh. Thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn môi trường nghiêm ngặt và các công cụ tài chính sáng tạo như trái phiếu xanh, tín chỉ các-bon, tài chính xanh hỗ trợ xây dựng một nền kinh tế xanh và giúp các quốc gia đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Tại Việt Nam, chính sách tài chính xanh đã và đang được hoàn thiện để thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 về phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về tăng trưởng xanh, tài chính xanh

Với mục tiêu “*Tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu*”, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt “*Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050*”; trong đó, chỉ rõ việc hoàn thiện thể chế, góp phần huy động, phân bổ có hiệu quả các nguồn lực nhằm thích ứng với BĐKH và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia; đồng thời khẳng định: Tăng trưởng xanh (TTX) là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tận dụng lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững...

Để đảm bảo TTX, phát triển bền vững, Chính phủ xác định: *Đẩy mạnh áp dụng rộng rãi sản xuất sạch hơn; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên; đồng thời, giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người, đảm bảo phát triển bền vững; Xây dựng văn hóa tiêu dùng văn minh, hài hòa và thân thiện với thiên nhiên; Từng bước thực hiện dán nhãn sinh thái, mua sắm xanh; Phát triển thị trường sản phẩm sinh thái và sáng kiến cộng đồng về sản xuất và tiêu dùng bền vững...*

Để thúc đẩy TTX cần có nguồn lực tài chính. Tài chính xanh là các dòng tài chính (ngân hàng, tín dụng vi mô, bảo hiểm, đầu tư) từ các khu vực kinh tế khác nhau (tư nhân, nhà nước và các khu vực phi lợi nhuận) phục vụ các ưu tiên và mục tiêu tăng trưởng bền vững cho nền kinh tế.

Ngày 22/7/2022, Chính phủ ban hành Quyết định số 882/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về TTX giai đoạn 2021-2030 (Kế hoạch hành động quốc gia), kèm theo danh mục nhiệm vụ, hoạt động triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia; trong đó, có Mục 4 (Huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho TTX), gồm các tiểu mục liên quan đến nhiệm vụ hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến tài chính xanh như: (-) Xây dựng và hoàn thiện chính sách về thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN) đối với các hoạt động hướng tới TTX, chuyển đổi xanh; (-) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho trái phiếu xanh (trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp), bảo hiểm xanh (gồm xây dựng danh mục các sản phẩm bảo hiểm xanh nhằm bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm môi trường đối với các ngành có rủi ro môi trường cao, sản phẩm bảo hiểm rủi ro khí hậu); (-) Phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam, gồm xây dựng, thành lập sàn giao dịch tín chỉ các-bon theo cơ chế thị trường; nghiên cứu cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động thị trường các-bon; xây dựng cơ chế và cách thức vận hành thị trường các-bon, quy định kết nối sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới.

2. Thực trạng chính sách và kết quả thực hiện chính sách tài chính xanh góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng xanh

Nhằm thực hiện Chiến lược quốc gia về TTX giai đoạn 2021 - 2030, ngày 15/8/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1934/QĐ-BTC phê duyệt Kế hoạch hành động của Bộ Tài chính thực hiện Chiến lược quốc gia về TTX giai đoạn 2021 - 2030.

Bên cạnh đó, huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho TTX cũng là một định hướng được chú trọng trong Chiến lược tài chính đến năm 2030 (Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022). Trong đó, Chiến lược nêu rõ quan điểm, mục tiêu về cân đối nguồn lực phát triển hài hòa giữa kinh tế với xã hội và bảo vệ môi trường (BVMT), thích ứng với biến đổi khí hậu. Để thực hiện các quan điểm, mục tiêu này, Chiến lược tài chính đến năm 2030 cũng đề ra những giải pháp hướng đến huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho các hoạt động kinh tế xanh và BVMT; tạo điều kiện thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, giải quyết hài hòa các vấn đề phát triển kinh tế, xã hội và môi trường; phát triển thị trường vốn, thị trường bảo hiểm xanh...

Trong thời gian vừa qua, thể chế - chính sách tài chính được hoàn thiện nhằm tạo điều kiện để huy động nguồn lực và thu hút đầu tư cho các hoạt động kinh tế xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và BVMT, từ đó góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng xanh. Cụ thể:

2.1. Về chính sách thu NSNN

Chính sách thu ngân sách phát huy hiệu quả, điều tiết hành vi theo hướng

khuyến khích sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và BVMT

Chính sách thuế BVMT trong thời gian qua đã góp phần thay đổi nhận thức, hành vi của tổ chức, cá nhân trong sản xuất và tiêu dùng nhằm BVMT. Thuế BVMT được xây dựng dựa trên nguyên tắc người nào sử dụng sản phẩm gây ô nhiễm phải nộp thuế. Đối tượng chịu thuế là những sản phẩm hàng hóa mà việc tiêu dùng những sản phẩm này có tác động tiêu cực tới môi trường. Nguồn thu từ thuế BVMT trong thời gian qua cũng tạo thêm nguồn lực cho NSNN để đầu tư cho TTX, bù đắp chi phí cho hoạt động BVMT. Số thu từ các khoản thu liên quan đến BVMT được mở rộng qua các năm. Kể từ khi đưa vào áp dụng năm 2012, thuế BVMT đang dần trở thành một sắc thuế quan trọng trong hệ thống chính sách thuế của Việt Nam từ góc độ tạo nguồn thu cho NSNN.

Chính sách thuế tài nguyên có vai trò quan trọng thúc đẩy quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên, hạn chế hoạt động khai thác tràn lan và khai thác không phép tài nguyên vì mục tiêu PTBV; trong đó, chính sách thuế phù hợp đối với tài nguyên nước và đảm bảo khả năng chi trả cho tất cả mọi người¹. Biểu thuế suất thuế tài nguyên hiện hành của Việt Nam đã thể hiện quan điểm khai thác tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế khai thác tài nguyên trong nước để đảm bảo nguồn cung cho sản xuất trong nước và thực hiện dự trữ quốc gia, góp phần thực hiện mục tiêu PTBV.

Bên cạnh đó, đối với thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) áp dụng thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường và thu nhập của doanh nghiệp từ trồng, chăm sóc bảo vệ rừng; trường hợp doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa môi trường tại địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn thì được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa trong 9 năm tiếp theo; tại địa bàn khác thì được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa trong 5 năm tiếp theo. Miễn thuế TNDN đối với phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường để lại để đầu tư phát triển cơ sở đó theo quy định của luật chuyên ngành.

Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế tối đa 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao (CNC) thuộc danh mục CNC được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật CNC... ; doanh nghiệp CNC, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường...

Áp dụng thuế suất 17% trong 10 năm, miễn thuế TNDN 02 năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp

¹ Thuế tài nguyên quy định nước thiên nhiên thuộc đối tượng chịu thuế, bao gồm nước mặt và nước dưới đất, trừ nước thiên nhiên dùng cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp. Khung thuế đối với nhóm nước thiên nhiên là từ 1%-10% tùy theo loại nước. Đồng thời quy định miễn thuế đối với: (i) Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện của hộ gia đình, cá nhân tự sản xuất phục vụ sinh hoạt; (ii) Nước thiên nhiên do hộ gia đình, cá nhân khai thác phục vụ sinh hoạt.

thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng....

Chính sách động viên NSNN được điều chỉnh kịp thời, linh hoạt, ứng phó với dịch bệnh, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân có thêm nguồn lực cho đầu tư và tiêu dùng; qua đó, góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển

Để góp phần đưa nền kinh tế vượt qua khó khăn, tạo nền tảng và điều kiện thuận lợi cho phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2025, ngay từ đầu năm 2022, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH. Trên cơ sở đó, chính sách thu NSNN tiếp tục thực hiện theo hướng miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất² (chẳng hạn thuế suất thuế giá trị gia tăng (GTGT) giảm từ 10% xuống còn 8% từ ngày 01/02/2022 đến hết 31/12/2024 đối với hầu hết các mặt hàng đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10%). Ngoài ra, trước diễn biến phức tạp của thị trường xăng, dầu thế giới và trong nước, Ủy ban TVQH đã ban hành các Nghị quyết điều chỉnh giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, góp phần kiềm chế lạm phát và hạn chế các tác động tiêu cực đến nền kinh tế khi giá xăng dầu tăng cao. Các giải pháp hỗ trợ miễn, giảm, gia hạn các khoản thu nhìn chung trong ngắn hạn sẽ tác động làm giảm thu NSNN. Tuy nhiên, các giải pháp hỗ trợ nêu trên được đánh giá là kịp thời tháo gỡ khó khăn, góp phần khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân. Bên cạnh đó, các chính sách miễn, giảm thuế (thuế GTGT, lệ phí trước bạ...) còn góp phần kích cầu tiêu dùng, hỗ trợ cho mức tăng trưởng GDP, cũng như thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH khác.

Nhờ đó, nguồn thu quan trọng được đảm bảo và ổn định cho NSNN theo hướng bền vững hơn, nguồn thu thuế từ sản xuất, kinh doanh trong nước tăng dần và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu NSNN. Năm 2023, mặc dù tiếp tục thực hiện nhiều chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất, với tổng số tiền đã miễn, giảm, gia hạn đạt khoảng 191,5 nghìn tỷ đồng (miễn, giảm khoảng 76,6 nghìn tỷ đồng; gia hạn khoảng 114,9 nghìn tỷ đồng), nhưng tổng thu NSNN cả năm 2023 ước đạt 1.754,1 nghìn tỷ đồng, vượt 8,2% dự toán, chủ yếu do tăng thu từ một số khoản thu quan trọng như thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, các khoản thu về nhà đất (trừ thu tiền sử dụng đất).

2.2. Về chính sách chi NSNN

Trong thời gian qua các quy định và chính sách về chi NSNN ưu tiên cho TTX đã ngày càng được hoàn thiện, đặc biệt được ưu tiên quy định rõ tại các văn bản Luật như Luật Bảo vệ môi trường (BVMT), Luật Khoa học và công nghệ, Luật chuyên giao công nghệ... và các quy định về phân bổ NSNN theo giai đoạn 2016-2020, 2021-2030 đảm bảo nguồn lực ưu tiên cho các hoạt động TTX.

² Thực hiện gia hạn thuế GTGT, TNDN, TNCN và tiền thuê đất trong năm 2022, 2023 và 2024; gia hạn thuế TTĐB đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước trong năm 2022, 2023 và 2024; giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước năm 2022, 2023...

Một là, hoàn thiện các quy định ưu tiên chi đầu tư và chi thường xuyên cho mục tiêu TTX.

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với định hướng “NSNN cần có mục chi riêng cho hoạt động sự nghiệp môi trường và tăng chi để bảo đảm đến năm 2006 đạt mức chi không dưới 1% tổng chi NSNN và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế”. Theo đó, mức bố trí chi sự nghiệp môi trường hàng năm không thấp hơn 1% tổng chi NSNN (bao gồm cả NSTW và NSDP). Khoản kinh phí này nhằm hỗ trợ các nhiệm vụ BVMT theo dự án, thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường quốc gia; xây dựng và ban hành tiêu chuẩn về BVMT; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về BVMT.

Bên cạnh đó, chi NSNN cho khoa học và công nghệ cũng thực hiện khuyến khích cho các nhiệm vụ phát triển, ứng dụng công nghệ trong bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng cho TTX như nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới, nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng, nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai³; chương trình nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới; chương trình nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng; các dự án phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo⁴; các nghiên cứu trong xử lý, tái chế chất thải rắn⁵...

Nguồn vốn ĐTPT cũng đưa ra các ưu tiên cho các ngành, lĩnh vực liên quan đến TTX như các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, sự cố ô nhiễm môi trường biển⁶. Đồng thời, các ưu tiên đầu tư cho một số chương trình mục tiêu (CTMT) cũng đã được gắn với tiêu chí TTX, PTBV. Một số chương trình, dự án đã có sự phối hợp giữa các nguồn vốn NSNN, TPCP và các nguồn hỗ trợ nước ngoài khác để tăng cường hiệu quả các dự án TTX và tận dụng nguồn lực vốn hỗ trợ, đặc biệt là hoạt động kỹ thuật cho các chương trình dự án về BVMT, tiết kiệm năng lượng và năng lượng sạch⁷.

³ Quyết định số 2686/QĐ-BKHHCN ngày 5/10/2015 về việc phê duyệt danh mục các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020.

⁴ Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

⁵ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 7/5/2018 phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

⁶ Một số chương trình mục tiêu (CTMT) giai đoạn 2016-2020, tiếp tục được thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 như CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững; CTMT tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; CTMT đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; CTMT phát triển hạ tầng du lịch; CTMT xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích.

⁷ Một số dự án tiêu biểu như: Dự án “tăng cường năng lực ứng phó thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng ven biển đồng bằng sông Cửu Long”, Dự án “Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng Sông Cửu Long (MD-ICRSL) do Ngân hàng Thế giới tài trợ; Dự án “Tăng cường sức chống chịu của cộng đồng trong ứng phó với thiên tai” do Tổ chức Bánh mì cho Thế giới (BfdW) và Tổ chức ActionAid Quốc tế tại Việt Nam (AAV) tài trợ ...

Hai là, xây dựng các chương trình, chiến lược và các kế hoạch hành động quốc gia liên quan TTX như Chiến lược quốc gia về TTX, Kế hoạch hành động quốc gia về TTX; Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030; Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030; Chiến lược sử dụng công nghệ sạch giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030⁸...

Ba là, hoàn thiện các quy định về mua sắm công trong sử dụng các sản phẩm dán nhãn năng lượng, dán nhãn xanh bảo vệ môi trường. Luật BVMT năm 2020⁹ khuyến khích người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN có trách nhiệm ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường được chứng nhận nhãn sinh thái theo quy định của pháp luật. Quyết định số 68/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 yêu cầu bắt buộc các đơn vị, cơ quan nhà nước phải thực hiện mua sắm các sản phẩm tiết kiệm năng lượng. Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010 quy định mua sắm phương tiện, thiết bị của cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN phải mua sắm các phương tiện, thiết bị thuộc danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm do Thủ tướng Chính phủ quy định¹⁰. Luật Đấu thầu năm 2023 có hiệu lực từ 01/01/2024 đã có các quy định ban đầu về mua sắm công xanh.

Ngoài ra, các sản phẩm nhãn xanh và các mặt hàng có thể tái chế cũng được ưu tiên mua sắm và sử dụng trong các hạng mục đầu tư và các khoản chi thường xuyên của NSNN theo Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012¹¹.

Trong điều kiện NSNN còn nhiều khó khăn, cân đối chi NSNN cho sự nghiệp BVMT giai đoạn 2016-2021 luôn được bố trí ưu tiên hơn so với các lĩnh vực chi khác và đã đảm bảo đúng quy định, năm sau cao hơn năm trước về số tuyệt đối; đảm bảo bố trí tối thiểu bằng 1% tổng chi NSNN cho hoạt động sự nghiệp BVMT theo Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ngày 22/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các nguồn lực cho BVMT được ưu tiên xử lý các nhiệm vụ ô nhiễm môi trường cấp bách như xử lý triệt để, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường nghiêm trọng; thực hiện các hoạt động quan trắc môi trường quốc gia; thực hiện các dự án phục hồi môi trường rừng; phòng ngừa, xử lý ô nhiễm môi trường ở những điểm nóng, bức xúc; xử lý chất thải rắn ở các đô thị, khu công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường các làng nghề, khu dân cư tập trung... Đồng thời, chi KHCN cũng đã được ưu tiên cơ cấu

⁸ Các Quyết định số: 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 về Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030; số 2612/QĐ-TTg ngày 30/12/2013; số 76/QĐ-TTg ngày 11/01/2016; số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020...

⁹ Điều 146 về mua sắm xanh. Ưu tiên thực hiện mua sắm xanh đối với dự án đầu tư, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ.

¹⁰ Điều 12, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

¹¹ B, điểm 13, mục II tại Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia TTX.

lại tăng cường, ưu tiên phát triển các công nghệ xanh gắn với các mục tiêu phát triển bền vững của chiến lược phát triển KT-XH với nhiều dự án, chương trình nghiên cứu liên quan đến công nghệ xanh và BVMT¹².

Bảng 1: Chi thường xuyên NSNN cho Khoa học và Công nghệ, giai đoạn 2016-2023

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
NSTW	8.121	8.731	9.440	9.895	9.620	7.732	9.136	8.800
NSDP	2.350	2.512	2.750	2.930	3.180	3.106	3.195	3.291
Tổng cộng	10.471	11.243	12.190	12.825	12.800	10.838	12.331	12.091

Nguồn: Nghị quyết của Quốc hội về dự toán NSNN các năm 2016-2023.

Nguồn vốn đầu tư công kết hợp với các nguồn vốn hỗ trợ đã đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng cho phát triển kinh tế bền vững, cải thiện môi trường như di dời các cơ sở ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, xây dựng hệ thống xử lý nước, rác thải tập trung, phát triển các dự án hạ tầng năng lượng sạch, thân thiện với môi trường (hệ thống điện gió, điện mặt trời)... Năm 2022, tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị đạt 96,37% (cao hơn so với chỉ tiêu Quốc hội giao 89%), đã có 11 nhà máy xử lý, đốt rác phát điện được khởi công; Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 96%; hoàn thành nhiều hệ thống đê, điều, ngăn hạn hán, xâm nhập mặn và hệ thống cảnh báo thiên tai.

2.3. Về chính sách phát triển thị trường chứng khoán xanh

Khung pháp lý và chính sách phát triển thị trường chứng khoán xanh từng bước được hình thành.

Từ năm 2015 tới nay, thị trường chứng khoán xanh tại Việt Nam đã hình thành và phát triển, bao gồm cả cổ phiếu xanh và trái phiếu xanh. Việc thiết lập khung pháp lý và chính sách phát triển thị trường chứng khoán xanh được thể hiện ở:

Một là, nghiên cứu thiết lập khung tài chính xanh cho hoạt động trên thị trường vốn như các quy định, điều kiện khi niêm yết cổ phiếu (niêm yết xanh), báo cáo (trong báo cáo bền vững) và trong giám sát (theo các tiêu chí tài chính xanh).

Hai là, chỉ số phát triển bền vững toàn thị trường được xây dựng và áp dụng: cuối tháng 3/2017, HOSE công bố Chỉ số Phát triển bền vững (Việt Nam

¹² Thủ tướng Chính phủ đã ban hành công văn 1066/TTg-KGVX về tái cơ cấu các chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với các giải pháp ưu tiên về môi trường và phát triển bền vững như Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Sustainability Index - VNSI) và chính thức đưa vào vận hành từ cuối tháng 7/2017. Bộ chỉ số do HOSE phối hợp với GIZ và Ủy ban chứng khoán nhà nước nghiên cứu và triển khai. Các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững được nghiên cứu và xây dựng dựa trên Bộ tiêu chuẩn Báo cáo quốc tế về lập báo cáo phát triển bền vững toàn cầu (theo GRI), Bộ nguyên tắc quản trị công ty của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) và các quy định của pháp luật chứng khoán tại Việt Nam. Chỉ số VNSI hướng đến các mục tiêu: xác định chuẩn phát triển bền vững cho các công ty niêm yết; hỗ trợ nhà đầu tư tổ chức và cá nhân xác định những doanh nghiệp có đặc tính “xanh” để đầu tư; tăng cường xu hướng phát triển bền vững của toàn bộ nền kinh tế; xác định các tiêu chí về thông lệ tốt nhất về môi trường, xã hội và quản trị; bổ sung thêm một công cụ đầu tư mới, góp phần thúc đẩy tăng trưởng thị trường chứng khoán và nền kinh tế.

Ba là, ban hành quy chế, hướng dẫn về công bố báo cáo quản trị rủi ro môi trường và xã hội (Môi trường (E), Xã hội (S), Quản trị (G)) đối với các doanh nghiệp niêm yết; Áp dụng tiêu chuẩn tối thiểu về ESG để cho phép doanh nghiệp lên sàn (Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK). Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030¹³ đề ra mục tiêu nâng cao chất lượng báo cáo thường niên của công ty đại chúng, hướng tới yếu tố phát triển bền vững dựa trên áp dụng tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (tiêu chuẩn ESG) theo thông lệ quốc tế.

Bốn là, hoàn thiện các quy định về phát hành trái phiếu xanh tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường, và các Nghị định quy định phát hành, đăng ký, lưu ký và niêm yết và giao dịch công cụ nợ¹⁴. Chính sách phát triển trái phiếu xanh đã được thể hiện tại Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 ngày 29/12/2023 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Theo đó, việc phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch trái phiếu xanh phải tuân thủ quy định hiện hành về phát hành trái phiếu. Trong thời gian qua, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước gắn việc huy động vốn từ phát hành trái phiếu với TTX và bền vững, hiện nay đã có một số doanh nghiệp huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu xanh như BIDV, EVN Finance....

¹³ Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023

¹⁴ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán, Điều 21 quy định về quy trình phát hành TPCP xanh, nội dung của Đề án phát hành TPCP xanh; việc tổ chức phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch TPCP xanh thực hiện như đối với công cụ nợ của Chính phủ. Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương, Điều 8 quy định việc phát hành TPCQĐP xanh phải tuân thủ quy định về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và UBND cấp tỉnh phải báo cáo danh mục dự án sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương xanh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Theo đó, việc tổ chức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương xanh thực hiện theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phát hành TPDN quy định nguyên tắc phát hành và sử dụng vốn, công bố thông tin đối với phát hành TPDN xanh.

Năm là, cam kết thúc đẩy phát triển bền vững trên TTCK với vai trò là thành viên của Sáng kiến các Sở Giao dịch Chứng khoán phát triển bền vững (SSE) thuộc Liên hiệp quốc;

Sáu là, các chính sách ưu đãi với phát triển thị trường chứng khoán xanh được ban hành: Theo Thông tư số 101/2021/TT-BTC, chủ thể phát hành và nhà đầu tư trái phiếu xanh được hưởng ưu đãi giảm 50% mức giá dịch vụ đăng ký niêm yết, quản lý niêm yết, giao dịch, đăng ký chứng khoán, hủy đăng ký chứng khoán một phần, lưu ký chứng khoán. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính dự kiến trình các cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi thuế TNDN, thuế TNCN đối với các nguồn thu nhập phát sinh từ trái phiếu xanh trong quá trình sửa đổi Luật Thuế TNDN, Luật Thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn.

Thị trường chứng khoán xanh ngày càng mở rộng về quy mô

Trên thị trường cổ phiếu, VNSI là một công cụ tham khảo cho các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, đồng thời, sử dụng làm tài sản cơ sở cho các sản phẩm đầu tư (như ETF và phái sinh chỉ số trong tương lai). Hiện nay, chỉ số VNSI bao gồm 20 doanh nghiệp có điểm phát triển bền vững tốt nhất được niêm yết trên HOSE thuộc Top VN100 và được tính theo thời gian thực 5 giây/lần (tương tự như VNIndex). Qua 7 năm vận hành, chỉ số VNSI đang được các quỹ đầu tư nước ngoài đặc biệt quan tâm do đặc tính tăng trưởng bền vững trung và dài hạn, đi đầu trong ứng dụng công nghệ, áp dụng tiêu chuẩn về quản lý rủi ro môi trường và xã hội.

Doanh nghiệp niêm yết trên TTCK đang thể hiện mức độ cam kết cao đối với thực hiện cam kết ESG. Theo báo cáo của PWC (2024)¹⁵, tỷ lệ cam kết ESG của các doanh nghiệp niêm yết là 93%, vượt mức trung bình của Việt Nam là 80%. Hơn một nửa doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam (58%) đang và sẽ trong giai đoạn lập kế hoạch trong 2-4 năm tới.

Trên thị trường vốn nợ, tại Việt Nam, tổng giá trị thị trường vốn nợ bền vững, mảng xanh, xã hội và bền vững (GSS, green, social and sustainability) đạt 1,5 tỷ USD trong năm 2021, gần gấp năm lần mức 0,3 tỷ USD trong năm 2020 và duy trì tăng trưởng ổn định xuyên suốt ba năm liền (HSBC, 2022). Việt Nam là thị trường phát hành nợ xanh lớn thứ hai trong ASEAN, đạt 1 tỷ USD, chỉ sau Singapore, trong đó phần lớn trái phiếu và khoản vay xanh trong năm 2021 đến từ ngành vận tải và năng lượng. Hai giao dịch lớn nhất chiếm phần lớn tổng giá trị GSS của Việt Nam là 425 triệu USD trái phiếu bền vững có quyền chọn nhận cổ phiếu của Tập đoàn Vingroup (Vinpearl) và khoản vay xanh 400 triệu USD của VinFast (giá trị tại thời điểm công bố giao dịch tháng 12/2021. Vào tháng 7/2022, Công ty Tài chính cổ phần Điện lực - EVNFinance đã phát hành 1.725 tỷ đồng trái phiếu xanh kỳ hạn 10 năm với lãi suất 6,7%/năm, được bảo lãnh một phần bởi GuarantCo - Công ty dịch vụ bảo lãnh đa quốc gia.

¹⁵ PWC (2024) Các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam: Mức độ cam kết ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) và thực hành Báo cáo phát triển bền vững

2.4. Một số chính sách tài chính xanh khác

Ngoài các chính sách tài chính nêu trên, một số chính sách tài chính xanh như chính sách phát triển bảo hiểm xanh, chính sách phát triển thị trường tín chỉ các-bon cũng được xây dựng và triển khai góp phần đổi mới mô hình TTX.

[-] Chính sách phát triển bảo hiểm xanh

Chính sách phát triển bảo hiểm xanh đã được đề cập trong Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 05/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam đến năm 2030”, trong đó nêu rõ giải pháp thực hiện đến năm 2030 bao gồm phát triển và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm, trong đó có các sản phẩm bảo hiểm xanh.

Trên thực tế, các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam bước đầu đã triển khai một số sản phẩm bảo hiểm xanh để đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của khách hàng, mở rộng thị phần, tăng vị thế cạnh tranh của mình đồng thời hướng đến một nền kinh tế xanh, phát triển bền vững. Tính đến năm 2022, có 04 doanh nghiệp¹⁶ cung cấp sản phẩm bảo hiểm xanh, tuy nhiên các sản phẩm bảo hiểm xanh được cung cấp chỉ mới dừng lại ở loại hình bảo hiểm trách nhiệm môi trường.

[-] Chính sách phát triển thị trường tín chỉ các-bon

Thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, và để thực thi các cam kết quốc tế về thúc đẩy các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội thông qua năm 2020 đã quy định phát triển thị trường các-bon trong nước là một trong những biện pháp giảm phát thải khí nhà kính.

Tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, đã quy định lộ trình phát triển thị trường các-bon trong nước gồm 02 giai đoạn: (i) Giai đoạn đến hết năm 2027: xây dựng quy định quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon, xây dựng quy chế vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon; triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong các lĩnh vực tiềm năng và, hướng dẫn thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế; thành lập và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ các-bon từ năm 2025; và (ii) Giai đoạn từ năm 2028: tổ chức vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon chính thức trong năm 2028.

Bộ Tài chính được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành xây dựng Đề án Phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam. Hiện nay, dự thảo Đề án đã được trình Thủ tướng Chính phủ để xem xét, phê duyệt. Theo đó, hàng hóa trên thị trường các-bon trong nước bao gồm hạn ngạch

¹⁶ Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam, Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam, Công ty TNHH bảo hiểm Chubb Việt Nam, Công ty TNHH Bảo hiểm Fubon (Việt Nam).

phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận được giao dịch. Việc trao đổi, mua bán, giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon được thực hiện tập trung trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước.

3. Những thách thức đặt ra đối với chính sách tài chính xanh

Mặc dù đạt được một số kết quả tích cực nói trên nhưng thực tiễn triển khai áp dụng chính sách tài chính - ngân sách liên quan đến TTX ở Việt Nam cũng bộc lộ một số điểm hạn chế. Cụ thể như sau:

Một là, chính sách thu đối với hoạt động gây ô nhiễm môi trường vẫn còn có khoảng cách tương đối lớn giữa mục tiêu, yêu cầu chính sách đặt ra và hiệu quả thực tế của chính sách khi triển khai thực hiện. Mức thu của một số loại hàng hóa gây ô nhiễm môi trường còn thấp. Các mức thuế suất và phí đánh vào các hoạt động gây ô nhiễm môi trường cũng như các chế tài xử phạt đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường chưa đủ mạnh, chưa quyết liệt nên tác động thay đổi hành vi đối với môi trường còn khoảng cách lớn so với yêu cầu đặt ra. Số thu từ các sắc thuế nhằm hạn chế sản xuất, tiêu dùng các sản phẩm gây nguy hại đối với môi trường chưa tương xứng với những tổn hại do hoạt động sản xuất, tiêu dùng gây ra.

Nhiều sản phẩm, hàng hoá mà việc sử dụng có khả năng gây ô nhiễm môi trường nhưng lại chưa được đưa vào diện điều chỉnh của chính sách thuế BVMT. Ví dụ: thuế BVMT hiện nay mới thu vào 8 nhóm mặt hàng chịu thuế. Tuy nhiên, trên thực tế, còn những sản phẩm như các chất tẩy rửa trong công nghiệp, ắc quy, lốp xe, hóa chất tẩy rửa, sản xuất giấy, chế biến thực phẩm, phân bón hóa học... gây ô nhiễm môi trường cần thiết phải đưa vào đối tượng chịu thuế BVMT.

Hai là, thời gian qua đã có sự ưu tiên nguồn lực cho mục tiêu TTX, tuy nhiên, thực tế nguồn lực NSNN chỉ đáp ứng được phần nào cho các hoạt động TTX. Theo đánh giá của Bộ KHĐT (2022), nguồn lực của NSNN chỉ đáp ứng khoảng 25% yêu cầu về biến đổi khí hậu và TTX. Với nguồn lực ngân sách còn hạn hẹp việc nợ chính sách vẫn xảy ra ở các chương trình có bố trí nguồn NSNN, nhất là đối với nhu cầu triển khai một số dự án có vốn đầu tư lớn về hạ tầng kỹ thuật xử lý môi trường; khắc phục, cải tạo ô nhiễm tại các lưu vực sông, khu vực bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng...

Ba là, tuy Việt Nam đã có quy định về ưu tiên mua sắm công xanh trong Luật Đấu thầu năm 2023, tuy nhiên, hệ thống văn bản hướng dẫn quá trình thực hiện mua sắm công hiện nay chưa được hoàn thiện. Cơ chế công nhận, giám sát, đánh giá nhà thầu đáp ứng tiêu chí xanh chưa hoàn thiện. Cả 03 loại nhãn phổ biến về bảo vệ môi trường tại Việt Nam hiện nay là nhãn xanh, nhãn tiết kiệm năng lượng và nhãn sinh thái đều chưa được quy định cụ thể là tiêu chí trong xét chọn mua sắm công.

Bốn là, sự phát triển của thị trường chứng khoán xanh tại Việt Nam còn chậm so với các thị trường trong khu vực như Indonesia, Thái Lan, Malaysia và quy mô chưa tương xứng với tiềm năng. Động lực tăng trưởng của thị trường giai

đoạn 2015 đến nay chủ yếu đến từ định hướng chính sách của Bộ Tài chính, chưa xuất phát từ thị trường, trong khi thực tế tại các quốc gia có thị trường tài chính phát triển như Mỹ, các quốc gia EU, động lực tăng trưởng trái phiếu xanh, cổ phiếu xanh chủ yếu đến từ nhu cầu đầu tư của thị trường, những người ra quyết định đầu tư có nhận thức về phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, các luồng vốn đầu tư vào các lĩnh vực xanh phát triển ngày càng gia tăng và đòi hỏi doanh nghiệp phải tự chứng minh năng lực sản xuất, kinh doanh xanh, thân thiện với môi trường để đáp ứng nhu cầu đầu tư.

Ngoài ra, thị trường chứng khoán xanh gặp hạn chế do Việt Nam hiện nay vẫn chưa có các định nghĩa và tiêu chuẩn chung về tiêu chí xanh. Các chuẩn mực, tiêu chí phân loại xanh (green taxonomy) vẫn đang trong quá trình nghiên cứu. Trong khi đó, việc xây dựng được các chuẩn mực, bộ tiêu chí đánh giá tính xanh là một trong những yếu tố trọng yếu nhất ảnh hưởng đến sự thành công của thị trường chứng khoán xanh.

Sự tham gia của các nhà đầu tư tổ chức còn hạn chế cũng là yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của thị trường chứng khoán xanh. Nhà đầu tư tổ chức, đặc biệt là các nhà đầu tư dài hạn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của các công cụ tài chính xanh. Bên cạnh đó, nhà đầu tư tổ chức cũng là động lực thúc đẩy các ý tưởng và sản phẩm tài chính mới, thúc đẩy quá trình hiện đại hóa khu vực tài chính, minh bạch hóa và hoàn thiện các chuẩn mực quản trị công ty, mang lại nhiều lợi ích cho sự phát triển của thị trường. Ở các thị trường phát triển, nguồn vốn dài hạn từ các quỹ hưu trí được quản lý bởi các công ty quản lý tài sản chuyên nghiệp đóng vai trò quan trọng trong thị trường chứng khoán, trong khi ở nước ta chỉ có Quỹ bảo hiểm xã hội, được quản lý bởi cơ quan nhà nước và chưa tham gia thị trường chứng khoán. Số lượng nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có giá trị danh mục lớn và tiền vốn đầu tư không lấy từ ngân sách nhà nước trên TTCK Việt Nam còn rất khiêm tốn.

Năm là, việc phát triển bảo hiểm xanh ở Việt Nam còn chậm, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu về phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Hiện nay, các sản phẩm bảo hiểm được cung cấp trên thị trường Việt Nam chủ yếu là sản phẩm bảo hiểm truyền thống. Các tổ chức và cá nhân tham gia bảo hiểm trên thị trường Việt Nam hầu hết là khách hàng của những sản phẩm truyền thống này. Ngoài ra, sản phẩm bảo hiểm xanh mà các doanh nghiệp cung cấp chỉ mới dừng lại ở loại hình bảo hiểm trách nhiệm môi trường, chưa đa dạng về sản phẩm.

4. Giải pháp tài chính xanh góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng xanh

Việt Nam đã có những điều kiện thuận lợi để thúc đẩy TTX. Trong bối cảnh hiện tại, cần xây dựng và triển khai toàn diện các định hướng và giải pháp tài chính xanh để đổi mới mô hình TTX. Đặc biệt, cần tập trung vào việc nâng cao khả năng huy động và sử dụng các công cụ tài chính xanh, đồng thời đảm bảo đầu tư hiệu quả.

Thứ nhất, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng mở rộng đối tượng chịu thuế BVMT nhằm bao phủ được các nguồn gây tổn hại cho môi trường. Thuế

BVMT cần phải hướng đến các chủ thể gây ô nhiễm, các hành vi ô nhiễm chính xác nhất, bao quát được các nguồn gốc ô nhiễm; xác định mức thuế suất phù hợp đối với các loại hàng hóa thuộc diện chịu thuế BVMT, đảm bảo thực hiện hiệu quả nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”. Rà soát tổng thể các chính sách ưu đãi về thuế, dành sự ưu tiên lớn hơn cho các dự án TTX, BVMT và ứng phó biến đổi khí hậu. Đây là những lĩnh vực khi được đầu tư sẽ tạo ra các “ngoại ứng tích cực” cho nền kinh tế trong việc thực hiện các mục tiêu về TTX.

Thứ hai, tăng chi thường xuyên cho sự nghiệp BVMT vì mục tiêu TTX. Nguồn để tăng chi cho BVMT là việc tăng cường huy động nguồn thu qua các sắc thuế BVMT, phí BVMT, thuế TTĐB và thuế tài nguyên. Về cơ bản và lâu dài, nguồn lực tài chính cho BVMT phải dựa vào đầu tư, đóng góp của những người khai thác, sử dụng môi trường (doanh nghiệp, dân cư).

Rà soát đầu tư công làm nền tảng, cơ sở cho huy động các nguồn vốn khác cho đầu tư TTX. Rà soát, phối hợp các chương trình, đề án, nguồn vốn (ODA, đầu tư tư nhân..) có mục tiêu liên quan đến TTX tăng cường hiệu quả chính sách.

Thứ ba, hoàn thiện các quy định về mua sắm công xanh, chẳng hạn hoàn thiện các quy định ưu tiên mua sắm sản phẩm dán nhãn sinh thái, nhãn năng lượng trong Luật Đấu thầu, Luật đầu tư công hoặc ban hành quy chế mua sắm công xanh đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường; trong đó, (i) quy định rõ các đối tượng sản phẩm bắt buộc thực hiện mua sắm công xanh, các sản phẩm xanh được ưu tiên mua sắm, các ưu đãi khuyến khích đối với hoạt động mua sắm các sản phẩm xanh; (ii) quy định cơ chế báo cáo, giám sát hàng năm đối với hoạt động mua sắm công xanh.

Thứ tư, triển khai đồng bộ giải pháp hỗ trợ các câu phân của thị trường chứng khoán xanh phát triển. Cụ thể, (i) *Đối với trái phiếu xanh*: Rà soát, bổ sung và hoàn thiện cơ sở pháp lý, khung khổ chính sách và cơ chế quản lý thị trường đối với thị trường trái phiếu nói chung và thị trường trái phiếu xanh nói riêng; Phát triển cơ sở hạ tầng và định chế trung gian của thị trường theo hướng hiện đại, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế; Xem xét áp dụng các chính sách ưu đãi thuế, phí cho phát hành và đầu tư trái phiếu xanh. Đối với TPCP xanh, xây dựng Đề án phát hành thí điểm trái phiếu Chính phủ xanh tại thị trường trong nước, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi triển khai để đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư, góp phần đa dạng hóa các sản phẩm TPCP trên thị trường. Đối với TPCQĐP xanh, khuyến khích các địa phương lựa chọn các dự án xanh để triển khai phát hành trái phiếu chính quyền địa phương xanh. Đối với TPDN xanh, khuyến khích các doanh nghiệp phát hành TPDN xanh để huy động vốn đầu tư cho các dự án có tính chất bảo vệ môi trường. Tiếp tục phối hợp với các tổ chức tư vấn nước ngoài để hỗ trợ một số doanh nghiệp triển khai phát hành TPDN xanh theo thông lệ quốc tế, làm tiền đề để phát triển thị trường trái phiếu xanh trong thời gian tới. (ii) *Đối với cổ phiếu xanh*: Hỗ trợ và đào tạo các công ty niêm yết và công ty đại chúng về công bố các thông tin liên quan đến phát triển

bền vững nhằm đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động phát triển bền vững. Bên cạnh đó, cần xây dựng năng lực cho các thành viên thị trường, trong đó quan trọng là các doanh nghiệp tư vấn trong nước có thể cung cấp dịch vụ đánh giá độc lập đối với các dự án xanh sử dụng nguồn thu từ vốn nợ xanh.

Thêm vào đó, sẽ khuyến khích sự tham gia của nhà đầu tư tổ chức vào thị trường tài chính xanh. Từng bước đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư, tiến tới cấu trúc cơ sở nhà đầu tư với sức cầu ổn định, chuyên nghiệp với chiến lược đầu tư dài hạn, có trách nhiệm xã hội là một trong những biện pháp quan trọng góp phần vào sự thành công của thị trường vốn xanh. Phát triển hơn nữa sự hình thành và tham gia của các quỹ đầu tư tập thể thông qua việc xây dựng cơ chế thuế nhằm khuyến khích các hình thức đầu tư tập thể, khuyến khích việc tham gia đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua quỹ đầu tư, phù hợp với các thông lệ quốc tế.

Thứ năm, để hỗ trợ thị trường bảo hiểm xanh phát triển an toàn, bền vững, hiệu quả, và đạt được mục tiêu phát triển bảo hiểm xanh như đề ra tại Chiến lược Phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2030, cần tiếp tục triển khai đồng bộ nhiều giải pháp gồm: Hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh doanh bảo hiểm, trong đó chú trọng các quy định đối với các sản phẩm bảo hiểm xanh theo hướng minh bạch, rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp bảo hiểm, bên mua bảo hiểm, cải cách thủ tục hành chính, tạo hành lang pháp lý cho doanh nghiệp bảo hiểm ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0. Đánh giá thực trạng triển khai của sản phẩm bảo hiểm xanh của các doanh nghiệp bảo hiểm; nghiên cứu xây dựng tiêu chí, phương pháp xác định, phân loại các sản phẩm bảo hiểm xanh nghiên cứu có chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm xanh. Khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm phát triển đa dạng các dòng sản phẩm mới, phát triển và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm và kênh phân phối bảo hiểm, lấy khách hàng làm trọng tâm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của các tổ chức, cá nhân trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang kinh tế xanh và thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh. Bên cạnh đó, đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế và những quốc gia khác nhằm thiết kế chính sách hiệu quả hỗ trợ việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm xanh.

Sáu là, hoàn thiện hành lang pháp lý cho phát triển thị trường tín chỉ cacbon. Thúc đẩy xây dựng sàn giao dịch tín chỉ carbon cùng với quy chế tổ chức, vận hành để thị trường trong nước chính thức hoạt động, kết nối với thị trường khu vực, thế giới. Thực tiễn cho thấy, thị trường cacbon là công cụ thị trường quan trọng để thực hiện tăng trưởng xanh, đây được đánh giá là lý do 83% tuyên bố NDCs nêu rõ ý định sử dụng các cơ chế thị trường quốc tế để giảm phát thải khí nhà kính. Một số nước đang phát triển tích cực phát triển thị trường cacbon như Costa Rica, Campuchia, Namibia và Ghana./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức-GIZ (2023), *Bối cảnh, một số kinh nghiệm quốc tế về kinh tế xanh và chuyển đổi nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững*. Kỷ yếu Diễn đàn Tài chính Việt Nam 2023.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022), *Báo cáo về cơ chế, chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư tư nhân cho tăng trưởng xanh*.
3. Lê Thị Thùy Vân, Hoàng Bá Hòa (2024), *Nguồn lực tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh ở Việt Nam*. Tạp chí tài chính kỳ 1+2 tháng 2/2024.
4. Vũ Nhữ Thăng, Nguyễn Thị Hải Bình (2023), *Chính sách tài chính cho tăng trưởng xanh, hướng tới giảm phát thải ròng bằng không (0) ở Việt Nam*, Kỷ yếu Diễn đàn Tài chính Việt Nam 2023.
5. Phạm Thị Phương Hoa (2023), *Chính sách tài chính khuyến khích sản xuất sạch hơn trong công nghiệp*, Đề tài cơ sở Viện CLTC năm 2023.
6. Trần Đăng Khâm và nhóm nghiên cứu (2022), *Phát triển thị trường vốn xanh tại Việt Nam*. Tạp chí Kinh tế tài chính Việt Nam, số 1/2022.
7. Trần Thị Thanh Tú (2020), *Hệ thống TCX: Yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế xanh*, Tạp chí Khoa học - Công nghệ Việt Nam.
8. Nguyễn Hoàng Dương và ThS. Phạm Thị Thanh Tâm (2018), *Giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường trái phiếu xanh tại Việt Nam đến năm 2030/Mã số: 2018 - 53*.
9. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sổ tay “*Hướng dẫn phát hành cho trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững*”.
10. *Green Bonds make more cent? International Experiences and Policy Implications For Vietnam - The Government of the Grand Duchy of Luxembourg & GGGI*.

BÀI THAM LUẬN CỦA UBCKNN
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH XANH
TẠI VIỆT NAM NHÌN TỪ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN ĐẾN NĂM 2030

*(Diễn đàn “Thực hiện hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh
tại Việt Nam: Thúc đẩy dòng vốn xanh” ngày 10/9/2024)*

Kính thưa quý vị đại biểu!

Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 của Đảng về phát triển bền vững, phát triển kinh tế xanh, ngày 01/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng Xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050, trong đó, đặt ra mục tiêu tổng quát hướng tới nền kinh tế xanh, đây cũng chính là xu hướng toàn cầu trong chuyển đổi mô hình kinh tế, phát triển công cụ tài chính xanh, nơi mà các yếu tố môi trường được tích hợp vào các chính sách, quyết định đầu tư tài chính.

Đề cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng và Quyết định của Chính phủ, Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán (TTCK) đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 (Quyết định số 1726). Và mới đây, ngày 15/8/2024, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1934/QĐ-BTC ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Tài chính thực hiện Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng Xanh giai đoạn 2021 – 2030. Theo đó, Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán (TTCK) đến năm 2030 đã đặt ra mục tiêu “phát triển các công cụ tài chính xanh, tài chính bền vững”. Các công cụ này sẽ là các trụ cột quan trọng trong việc xây dựng thị trường vốn xanh, bền vững, góp phần phát huy vai trò là kênh huy động vốn trung và dài hạn, nguồn tài chính cần thiết cho các dự án liên quan đến năng lượng tái tạo, công nghệ sạch, xanh và các dự án bảo vệ môi trường khác, từ đó, giúp làm giảm sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng không tái tạo và khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường.

Kính thưa quý vị!

Có thể thấy các công cụ tài chính xanh như trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh, hay chứng chỉ carbon ngày càng trở nên phổ biến trên thế giới. Chúng không chỉ giúp huy động nguồn vốn cho các dự án phát triển bền vững mà còn thúc đẩy sự cạnh tranh và đổi mới trong nền kinh tế. Đặc biệt, trong bối cảnh các nhà đầu tư ngày càng quan tâm đến các yếu tố môi trường và xã hội, phát triển

các công cụ tài chính xanh có thể thu hút nguồn vốn từ trong và ngoài nước. Với tầm quan trọng của công cụ tài chính xanh, tại Quyết định số 1726, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) triển khai nhiều giải pháp nhằm phát triển công cụ tài chính xanh, như:

1. Đa dạng cơ sở hàng hóa trên thị trường chứng khoán

Theo đó, Bộ Tài chính thực hiện nghiên cứu, triển khai các giải pháp phát triển thị trường trái phiếu xanh như khuyến khích việc phát hành trái phiếu Chính phủ xanh, trái phiếu chính quyền địa phương xanh và trái phiếu doanh nghiệp xanh nhằm tạo thêm kênh huy động vốn cho ngân sách, cho doanh nghiệp và thu hút các nhà đầu tư hướng đến các mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

UBCKNN thực hiện nghiên cứu, triển khai đa dạng các sản phẩm chứng quyền có bảo đảm, các loại sản phẩm cấu trúc, các loại chứng chỉ lưu ký, các loại chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán, các công cụ tài chính xanh phù hợp với trình độ phát triển của TTCK.

2. Nâng cao tính minh bạch và chất lượng hàng hóa: thực hiện nghiên cứu hoàn thiện các quy định về tổ chức cung cấp dịch vụ định giá trái phiếu xanh, trái phiếu bền vững.

3. Đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư trong nước: thực hiện nghiên cứu các giải pháp thu hút nhà đầu tư tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư vào các công cụ tài chính xanh phù hợp với quy định pháp luật.

4. Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thị trường vốn xanh: triển khai hợp tác với đối tác nước ngoài nhằm nghiên cứu các sản phẩm mới cho thị trường, đặc biệt chú trọng đến các sản phẩm liên quan đến tài chính xanh và phát triển bền vững.

Để triển khai hiệu quả các giải pháp nêu trên, trong thời gian qua, UBCKNN đã tích cực kêu gọi sự chủ động tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư nhằm đưa vào công cụ tài chính xanh mới; nghiên cứu xây dựng hệ thống văn bản pháp quy điều chỉnh tài chính bền vững, nâng cao năng lực và tăng cường nhận thức của cơ quan quản lý lẫn các thành viên thị trường, nhà đầu tư về các công cụ tài chính xanh và phát triển bền vững.

Cùng với đó, UBCKNN đã và đang triển khai một hiệu quả một số giải pháp như (i) phối hợp cùng Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) ra mắt Sổ tay hướng dẫn phát hành trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững, ra mắt Sổ tay hướng dẫn báo cáo phát thải khí nhà kính giúp doanh nghiệp thực

hiện kiểm kê và báo cáo phát thải khí nhà kính dễ dàng hơn, đáp ứng quy định của pháp luật; (ii) tham gia Hội đồng Phân loại Tài chính bền vững ASEAN; (iii) phối hợp với các tổ chức quốc tế khác triển khai các chương trình đào tạo về tài chính xanh, trái phiếu xanh; (iv) xây dựng Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh của thị trường chứng khoán đến năm 2030; (v) nghiên cứu các tiêu chuẩn trái phiếu xanh và đưa trái phiếu xanh ASEAN vào Việt Nam. Các tiêu chuẩn này không chỉ cho tổ chức phát hành mà cả nhà đầu tư, các quỹ đầu tư.

Tuy nhiên, việc phát triển các công cụ tài chính xanh, tài chính bền vững là lĩnh vực mới không chỉ tại Việt Nam mà còn trên thế giới. Do đó, UBCKNN nhận thấy việc thúc đẩy phát triển các công cụ tài chính xanh tại Việt Nam còn gặp nhiều thách thức như:

Thứ nhất, mặc dù Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường 2020, trong đó bước đầu đã đưa ra được khái niệm về các sản phẩm tài chính trên thị trường vốn xanh, tuy nhiên chúng ta vẫn chưa có danh mục phân loại xanh quốc gia phù hợp với phân loại ngành kinh tế và thông lệ quốc tế. Điều này dẫn đến những khó khăn cho các tổ chức phát hành, nhà đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước trong việc đánh giá, chứng nhận, đầu tư vào các dự án xanh và đưa ra các sản phẩm công cụ tài chính xanh phù hợp. Đồng thời, đây cũng vừa là yếu tố chủ quan, vừa là yếu tố khách quan dẫn đến việc thị trường vốn xanh tiềm ẩn nguy cơ liên quan đến thiếu minh bạch thông tin khi chưa có các tiêu chuẩn được thống nhất để các doanh nghiệp có thể thực hiện công bố thông tin minh bạch.

Thứ hai, hiện nay chi phí phát hành các sản phẩm tài chính xanh về cơ bản vẫn chưa có sự khác biệt so với các sản phẩm tài chính truyền thống, thậm chí có phần cao hơn. Điều này là do thực tế, lĩnh vực “xanh” vẫn còn tồn tại những khó khăn như cơ chế ưu đãi còn chưa rõ ràng, chi phí đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn bị kéo dài, rủi ro thị trường cao, dễ phát sinh thêm chi phí...

Thứ ba, do thị trường vốn xanh ở Việt Nam mới phát triển ở bước đầu, sự hiểu biết của doanh nghiệp, nhà đầu tư về công cụ tài chính xanh còn hạn chế. Doanh nghiệp còn thiếu kinh nghiệm, kiến thức để xây dựng các dự án xanh đủ điều kiện tiếp cận với nguồn vốn xanh trong và ngoài nước.

Kính thưa Quý vị!

Nhằm thúc đẩy phát triển, phát huy hết tiềm năng vốn có của thị trường vốn xanh và các loại công cụ tài chính xanh trong thời gian tới cần có sự nỗ lực vào cuộc của toàn hệ thống chính trị, doanh nghiệp, thành viên thị trường, công

chúng đầu tư và các cơ quan thông tấn, báo chí. UBCKNN đã đề ra một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, UBCKNN sẽ tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách, sản phẩm gắn với thực hiện Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng Xanh giai đoạn 2021 – 2030, bám sát Kế hoạch hành động của Bộ Tài chính, sớm ban hành Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh của thị trường chứng khoán đến năm 2030.

Thứ hai, UBCKNN sẽ chủ động, tích cực phối hợp với các Bộ, ngành trong việc ban hành danh mục phân loại xanh quốc gia phù hợp với phân loại ngành kinh tế và thông lệ quốc tế, để từ đó có các tiêu chí đánh giá và chứng nhận các dự án xanh, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, thành viên thị trường tiếp cận với thị trường vốn xanh.

Thứ ba, phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo về tiềm năng, cách thức hoạt động của thị trường vốn xanh, các sản phẩm tài chính xanh cùng các tiêu chuẩn phát triển dự án xanh theo thông lệ quốc tế, giúp nhà đầu tư, doanh nghiệp, thành viên thị trường nâng cao nhận thức, tiếp cận thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Thứ tư, yêu cầu doanh nghiệp có dự án xanh công bố thông tin một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác về các dự án xanh, từ đó thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư và nâng cao tính hấp dẫn của các sản phẩm tài chính xanh gắn liền với doanh nghiệp.

Thứ năm, nghiên cứu các chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các doanh nghiệp niềm yết, doanh nghiệp đại chúng đầu tư vào các dự án xanh để tạo ra thế mạnh trong cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Tiếp tục nghiên cứu và triển khai chính sách khuyến khích hỗ trợ cụ thể trong từng lĩnh vực.

Thứ sáu, nghiên cứu, hoàn thiện và cơ cấu lại Chỉ số phát triển bền vững (VNSI) (vận hành từ năm 2017) để phù hợp với nhu cầu phát triển bền vững của TTCK.

Trong bối cảnh hiện nay, phát triển các công cụ tài chính xanh không chỉ là một xu thế tất yếu mà còn là một cơ hội để Việt Nam thể hiện được vai trò tiên phong trong phát triển bền vững. Tôi tin tưởng rằng với sự chỉ đạo sát sao của Đảng, Chính phủ, sự đồng lòng của cơ quan quản lý, doanh nghiệp, công chúng đầu tư và các cơ quan thông tấn báo chí, thị trường tài chính xanh nói chung và thị trường vốn xanh nói riêng sẽ ngày càng phát triển hơn nữa.

Xin trân trọng cảm ơn/.

Tài chính xanh - thực trạng và giải pháp đối với Việt Nam

TS. Cán Văn Lược

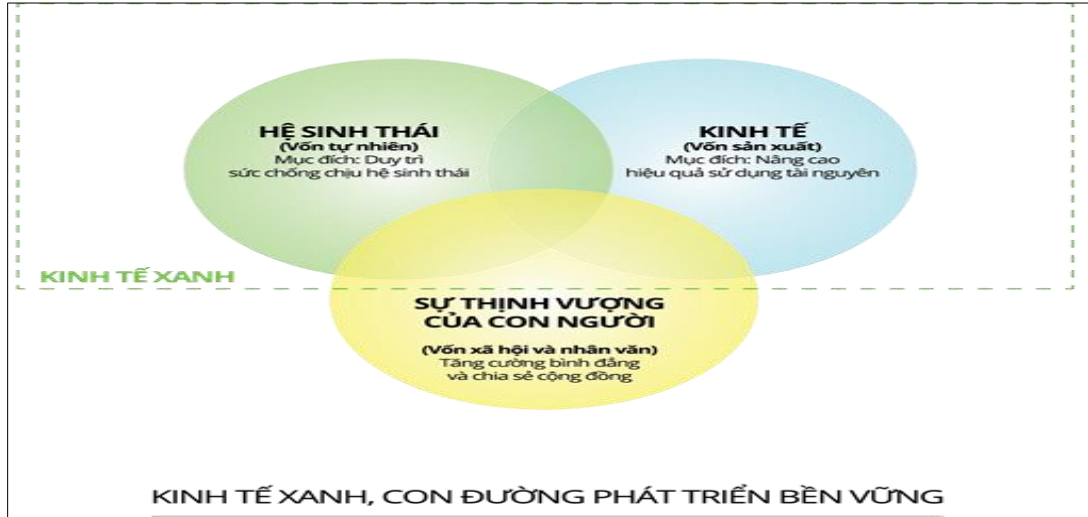
*Diễn đàn “Hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tại Việt Nam:
Thúc đẩy dòng vốn xanh”*

Hà Nội, ngày 10/9/2024

Nội dung trình bày

1. **Đôi điều về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn**
2. **Nhu cầu tài chính xanh trên thế giới**
3. **Thực trạng tài chính xanh tại Việt Nam**
4. **Cơ hội và thách thức phát triển tài chính xanh phục vụ mục tiêu tăng trưởng xanh của Việt Nam**
5. **Giải pháp.**

1. Đôi điều về kinh tế xanh (H.1)



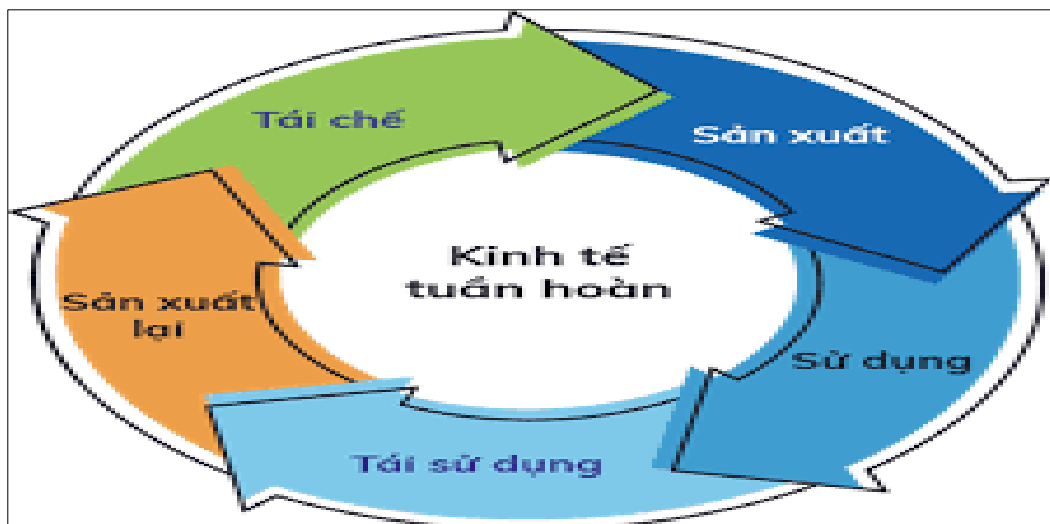
Nguồn: EEA 2015.

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

3

2. Kinh tế xanh không thể thiếu kinh tế tuần hoàn



Nguồn: EEA.

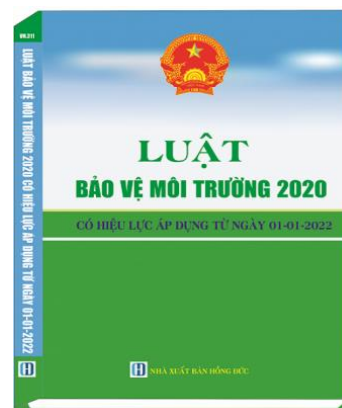
10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

4

Khung pháp lý tại Việt Nam

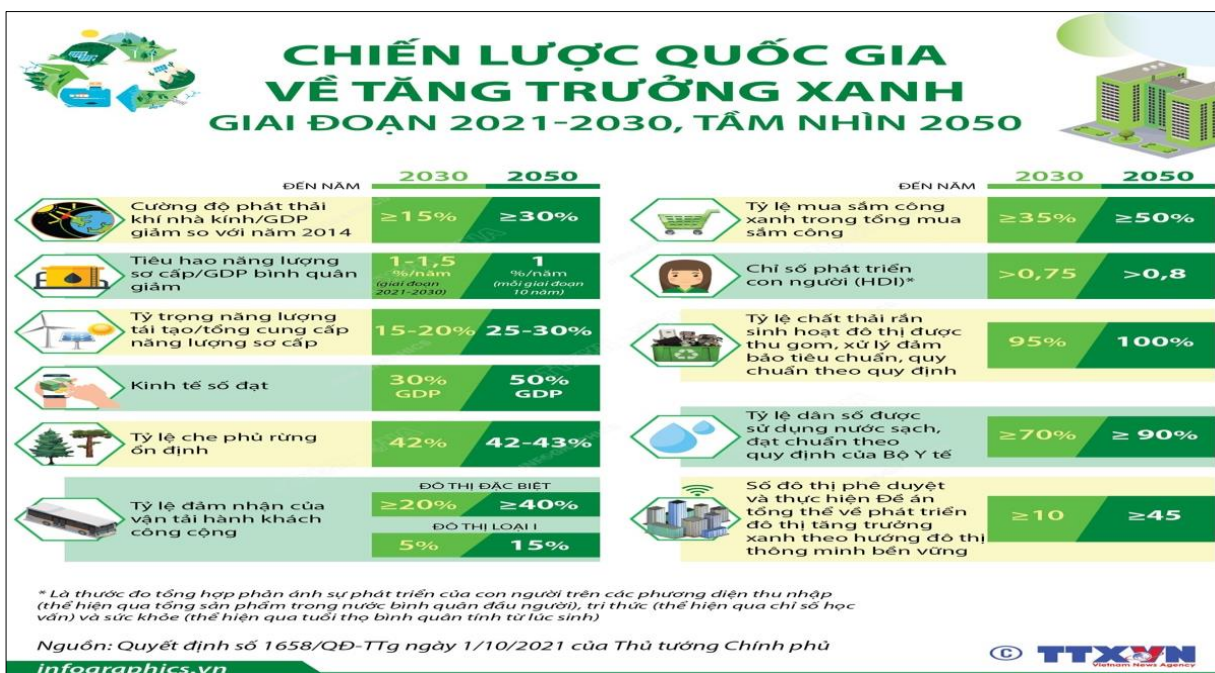
- **Kinh tế tuần hoàn** (Điều 142): định hướng áp dụng từ thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và tuần hoàn vật liệu;
- **Phân loại rác tại nguồn** (Điều 75): 3 nhóm chất thải (chất thải rắn có khả năng tái sử dụng và tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải khác), thực hiện trước 31/12/2024;
- Tính giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt **theo khối lượng hoặc thể tích chất thải** thay cho mức giá cố định theo đầu người hiện nay (Điều 79), thực hiện trước 31/12/2024;
- **Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất – EPR:**
 - Trách nhiệm tái chế (Điều 54) (01/2023 - 01/2025)
 - Trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải (Điều 55) (01/2023).
- **Tín dụng xanh** (Điều 149)
- **Trái phiếu xanh** (Điều 150).
- **Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022** quy định chi tiết 1 số điều của Luật BVMT 2020.



10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

5



10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

6

Quyết định 687/QĐ-TTg ngày 7/6/2022 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở VN

• **Mục tiêu cụ thể:**

- Góp phần cụ thể hóa mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP ít nhất 15% vào năm 2030 so với năm 2014, hướng tới mục tiêu phát thải ròng về “0” vào năm 2050;

- **Đẩy mạnh ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH) thúc đẩy xanh hóa các ngành kinh tế:**

+ **Đến năm 2025:** các dự án KTTH **bước đầu** đi vào thực hiện và phát huy hiệu quả KT-XH, công nghệ và môi trường; góp phần phục hồi tài nguyên tái tạo được, giảm tiêu hao năng lượng, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp, tỷ lệ che phủ rừng, tỷ lệ tái chế rác thải, tỷ lệ nội địa hóa của nông sản và công nghiệp XK.

+ **Đến năm 2030,** các dự án KTTH trở thành **động lực chủ yếu** trong giảm tiêu hao năng lượng sơ cấp, có năng lực tự chủ phân lớn hoặc toàn bộ nhu cầu năng lượng dựa trên năng lượng tái tạo, và trong tăng cường tỷ lệ che phủ rừng.

- **Mô hình KTTH hỗ trợ xây dựng lối sống xanh:**

+ **Đến năm 2025,** tái sử dụng, tái chế, xử lý **85%** lượng chất thải nhựa phát sinh; giảm **thiểu 50%** rác thải nhựa trên biển và đại dương; giảm dần mức sản xuất và sử dụng túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần;

+ **Đến năm 2030,** tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn thống qua các mô hình KTTH đạt **50%**; **100% rác thải hữu cơ ở đô thị và 70% rác thải hữu cơ ở nông thôn được tái chế;** tối đa hóa tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định ở các khu đô thị.

Năm lý do cần “tăng trưởng xanh”

- **Có mối quan hệ tương quan chặt chẽ giữa môi trường và sức khỏe** (nhất là bối cảnh dịch bệnh gia tăng....);
- **Theo WB, Việt Nam thuộc 5 quốc gia chịu ảnh hưởng lớn bởi biến đổi khí hậu và thay đổi hệ sinh thái sinh học** (tổn thất có thể lên đến **11% GDP** vào năm 2100);
- **Hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn nhiều:** cứ 1 triệu USD đầu tư vào năng lượng tái tạo giúp tăng thêm ít nhất 5 việc làm (so với đầu tư năng lượng hóa thạch);
- **Tăng năng lực cạnh tranh, hấp dẫn** đối với nhà đầu tư nước ngoài;
- **Tăng khả năng chống chịu của nền kinh tế và DN.**

(theo Báo cáo tháng 5/2022 của ADB).

5 lĩnh vực/giải pháp ưu tiên (theo ADB 2022)

- **Nông nghiệp xanh, sạch và ứng dụng công nghệ cao;**
- **Phát triển đô thị và phương thức vận tải bền vững** (đô thị chiếm **78%** tiêu thụ năng lượng và **60%** khí phát thải nhà kính toàn cầu, *theo UB Habitat*);
- **Chuyển đổi năng lượng sạch**
- **Áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn** (hiện tại, **62%** khí thải nhà kính (GHG) là từ sản xuất, **38%** từ phân phối và tiêu dùng; nhưng cấu trúc này đang thay đổi);
- **Gìn giữ đại dương sạch và hiệu quả** (Việt Nam có 28 tỉnh, TP có kinh tế biển...).

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

9

2. Nhu cầu cho tài chính xanh

- **Biến đổi khí hậu** đang là một vấn đề được quan tâm hàng đầu trên thế giới;
- **Nhiều chương trình hành động** để hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu:
 - Chuyển đổi các ngành công nghiệp đen/xám sang công nghiệp xanh;
 - Tăng cường các quy định về môi trường, xã hội, quản trị (ESG) đối với các dự án, DN;
 - Cam kết tại Hội nghị COP26, COP27 và COP28.
- **Những chương trình trên đòi hỏi nguồn vốn lớn:**
 - **Davos 2019:** Chuyển đổi xanh là cơ hội đầu tư có giá trị tới **50 nghìn tỷ USD**;
 - **IFC:** cơ hội đầu tư lên tới **23 nghìn tỷ USD** tại các dự án thân thiện môi trường chỉ riêng ở 21 quốc gia mới nổi trong giai đoạn 2016-2030;
 - Nhu cầu lên tới **18 nghìn tỷ USD** dành riêng cho xây dựng xanh tại châu Á tới năm 2030.
- **Bản chất của “Tài chính xanh” là gì?**

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

10

Bảng 1: Định nghĩa tài chính xanh

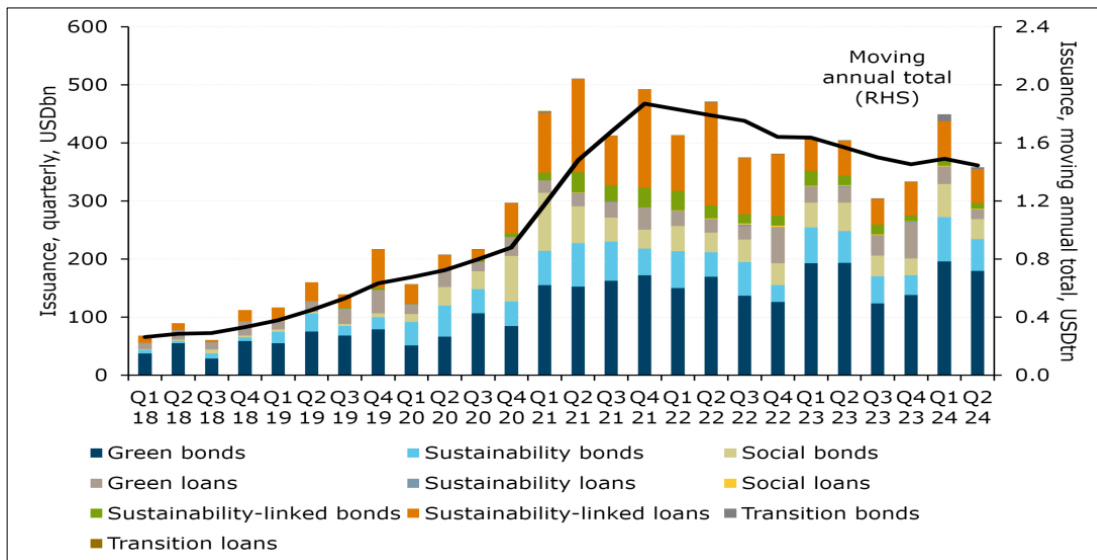
ADB (2018)	Rakić và Mitić (2012)	Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC)
<ul style="list-style-type: none">Là một loại hình tài chính hướng tới tương lai, đồng thời theo đuổi sự phát triển của ngành tài chính, cải thiện môi trường và tăng trưởng kinh tế.	<ul style="list-style-type: none">Sự kết hợp các công nghệ mới, sản phẩm tài chính, các ngành công nghiệp và dịch vụ có tính đến môi trường, hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm lượng khí thải gây ô nhiễm để hỗ trợ tăng trưởng xanh carbon thấp.	<ul style="list-style-type: none">Các dịch vụ tài chính được cung cấp cho các hoạt động kinh tế hỗ trợ cải thiện môi trường, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn.

Tài chính xanh có thể được hiểu là các chính sách, công cụ và giải pháp về tài chính – tiền tệ giúp quốc gia đạt được các định hướng, mục tiêu và chỉ tiêu về phát triển KTXH xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng, tăng năng lực ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bao trùm, bền vững.

Tài chính xanh trên thế giới

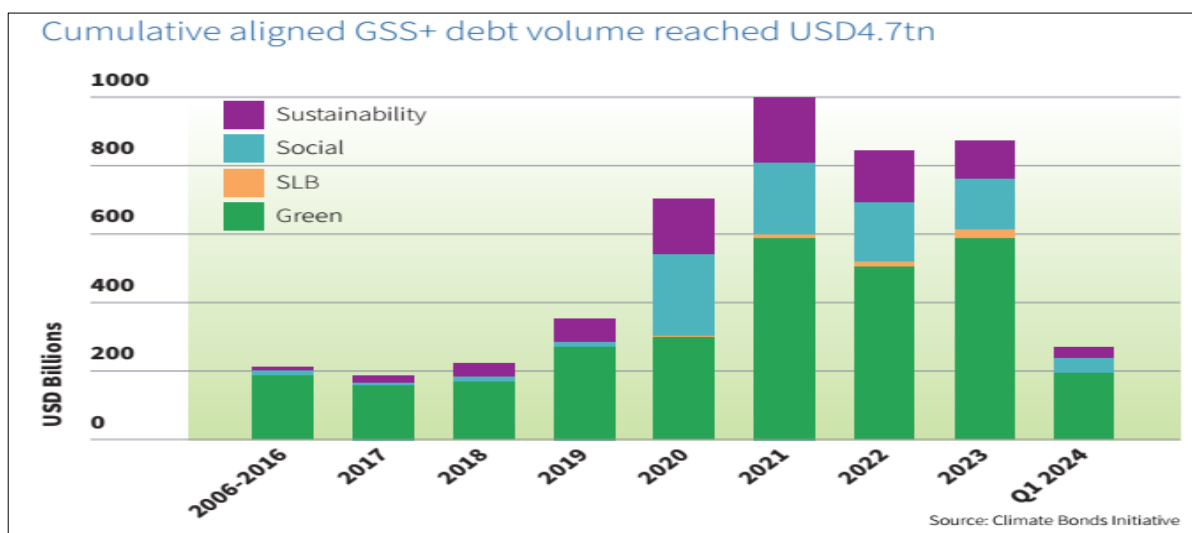
- Hết quý 1/2024, **tổng dư nợ thị trường nợ bền vững toàn cầu ước đạt 4,7 nghìn tỷ USD** (theo CLI).
- Tổng giá trị trái phiếu bền vững** (xanh, xã hội, bền vững và liên kết bền vững...) phát hành năm 2023 đạt **1.450 tỷ USD**, đạt **760 tỷ USD** trong 2 quý đầu 2024 (theo Bloomberg).

Hình 4: Phát hành công cụ nợ bền vững toàn cầu (tỷ USD)



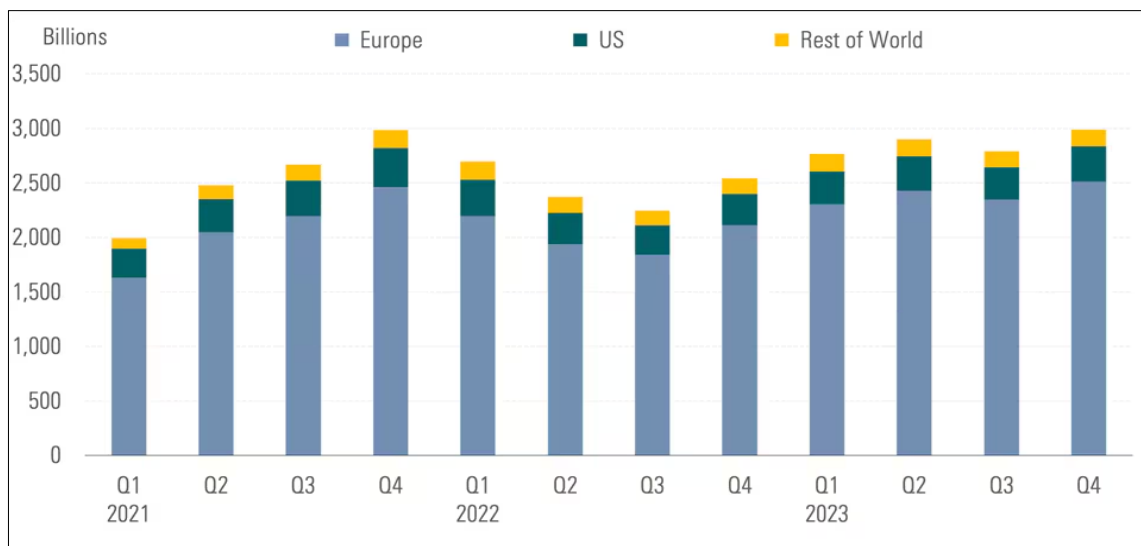
Nguồn: Bloomberg New Energy Finance, ANZ Research.

Hình 5: Phát hành trái phiếu bền vững (tỷ USD)



Source: Climate Bonds Initiative

H.6: Tài sản quỹ đầu tư bền vững toàn cầu (tỷ USD)



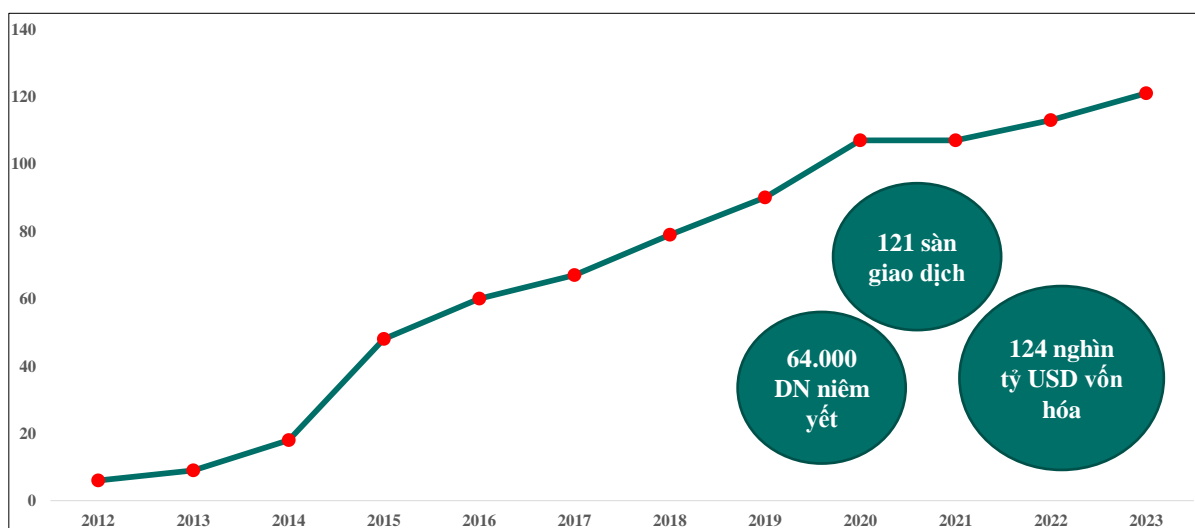
Nguồn: Morningstar 2024.

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

15

H.7: Sự phát triển của Sáng kiến TTCK bền vững – SSE (2012-2023)



Nguồn: SSE, Viện ĐT&NC BIDV tổng hợp.

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

16

Tăng trưởng xanh tại Việt Nam

- ✓ **2008:** Chương trình mục tiêu quốc gia chống biến đổi khí hậu;
- ✓ **2012:** Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
- ✓ **2015:** Kế hoạch hành động của ngành tài chính, ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020
- ✓ **2018:** Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam
- ✓ **2020:** Luật Bảo vệ môi trường 2020 (hiệu lực 1/1/2022) và các văn bản hướng dẫn;
- ✓ **2021:** Sổ tay “Hướng dẫn trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững”
- ✓ **10/2021:** Chiến lược tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;
- ✓ **11/2021:** Cam kết giảm mức phát thải carbon về 0 tại Hội nghị COP26;
- ✓ **6/2022:** Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.
- ✓ **5/2023:** Quy hoạch điện VIII được ban hành
- ✓ **4/2024:** Kế hoạch triển khai Quy hoạch điện VIII (QĐ 262/QĐ-TTg ngày 1/4/2024); đã ban hành Nghị định 80/2024/NĐ-CP ngày 3/7/2024 về cơ chế mua – bán điện trực tiếp (DPPA).

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

17

Tín dụng xanh tại Việt Nam

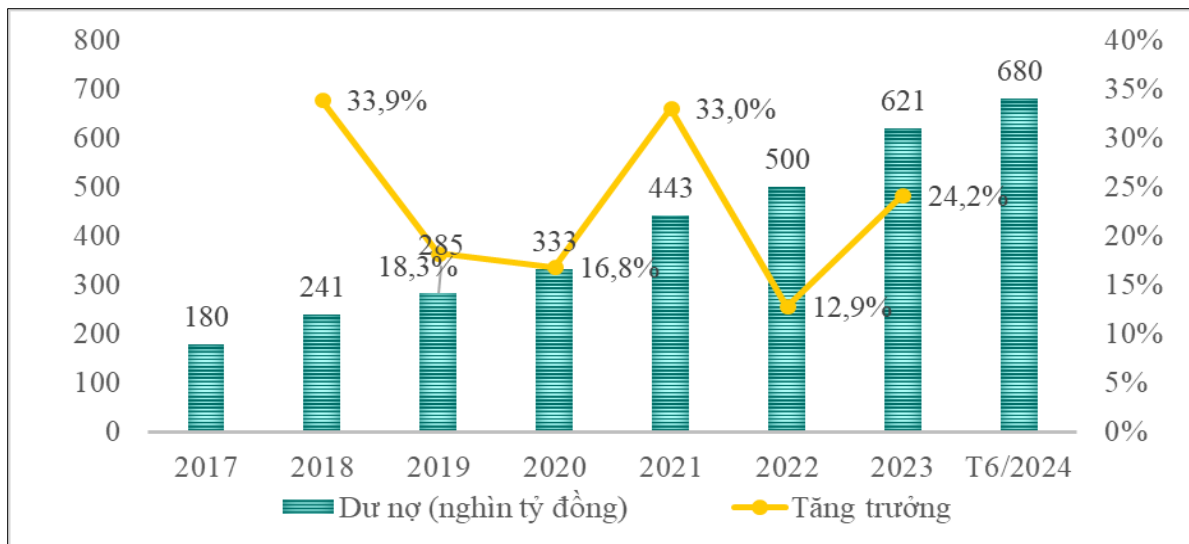
- **Pháp lý:**
 - Chỉ thị 03/CT-NHNN ngày 24/3/2015 về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng;
 - Quyết định 1552/QĐ-NHNN ngày 6/8/2015 về kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020;
 - Quyết định 1604/QĐ-NHNN ngày 7/8/2018 phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam.
 - Quyết định 1408/QĐ-NHNN ngày 26/7/2023 về Kế hoạch hành động của ngành NH thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.
- **Quy mô:**
 - Đến hết tháng 6/2024, dư nợ tín dụng xanh đạt gần 680 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 4,5% tổng dư nợ toàn nền kinh tế.
 - Dư nợ được đánh giá rủi ro môi trường và xã hội chiếm hơn 21% tổng dư nợ hệ thống TCTD và tăng hơn 20% so với cùng kỳ 2023.

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

18

Hình 8: Dư nợ tín dụng xanh tại VN 2017-6/2024 (nghìn tỷ đ)



Nguồn: NHNN, Viện ĐTNC BIDV tổng hợp.

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

19

Trái phiếu xanh tại Việt Nam

• **Pháp lý:**

- Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP;
- Quyết định số 2183/QĐ-BTC ngày 20/10/2015 ban hành Kế hoạch hành động của ngành tài chính thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020;
- Quyết định số 1191/QĐ-TTg phê duyệt Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Các nghị định (163/2018/NĐ-CP, 81/2020/NĐ-CP, 153/2020/NĐ-CP, 08/2023/NĐ-CP) về phát hành TPDN;
- Sổ tay “Hướng dẫn trái phiếu xanh, TP xã hội và trái phiếu bền vững” (2021) của UBCKNN;
- Chiến lược tài chính quốc gia đến năm 2030 (ban hành ngày 21/3/2022);
- Sổ tay Hướng dẫn Báo cáo phát thải khí nhà kính (9/8/2023) do IFC p/h SSC ban hành.

• **Quy mô:**

- Giai đoạn 2016-2020, có tổng cộng 4 đợt phát hành trái phiếu xanh, giá trị 284 triệu USD.
- Giai đoạn 2019-6T/2024, Việt Nam đã phát hành khoảng 1,16 tỷ USD trái phiếu xanh (trong đó, EVNFinance phát hành 1.725 tỷ đồng năm 2022; BIDV phát hành 2.500 tỷ đồng năm 2023).

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

20

Cổ phiếu xanh tại Việt Nam

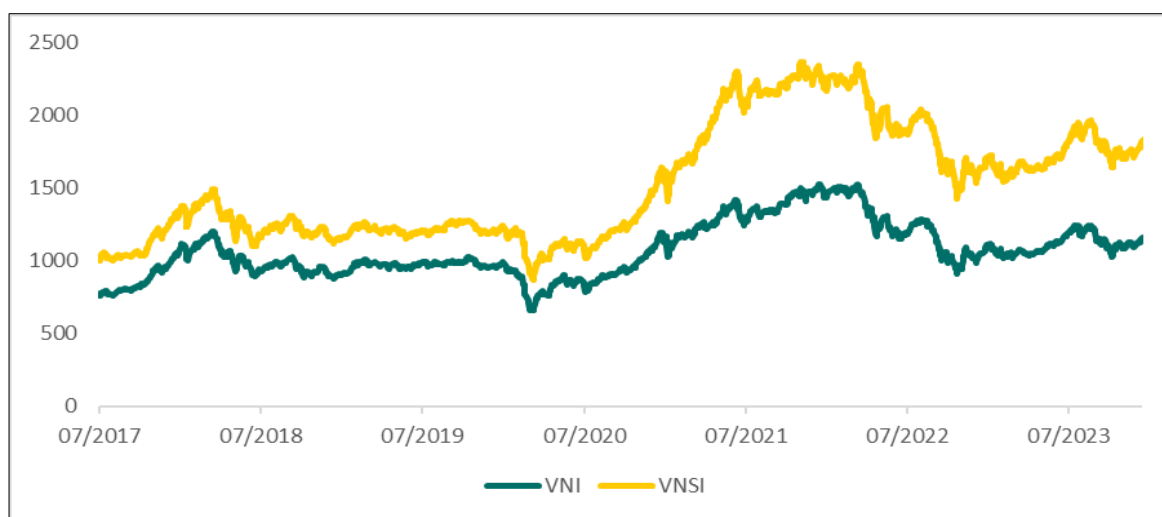
- **Từ 2016**, Việt Nam đang từng bước thực hiện Sáng kiến Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) bền vững (Sustainable Stock Exchanges Initiative – SSE) được thành lập năm 2009:
 - Thực hiện đào tạo về các yếu tố xã hội, môi trường và quản trị (ESG) trong quản trị công ty;
 - Ban hành Sổ tay hướng dẫn doanh nghiệp niêm yết thực hiện báo cáo ESG năm 2016;
 - Các công ty niêm yết phải công bố Báo cáo phát triển bền vững từ năm 2016. Tuy nhiên, số lượng công ty lập báo cáo phát triển bền vững riêng biệt còn ít và các mục tiêu ESG đưa ra còn khá chung chung.
- **Chỉ số phát triển bền vững của TTCK Việt Nam (VNSI)** được vận hành từ năm 2017, gồm **20 công ty niêm yết** có điểm bền vững cao nhất trên HOSE. Tăng trưởng về lợi nhuận của các công ty trong bộ chỉ số VNSI có hiệu quả cao hơn so với bình quân của VN-Index. Tuy nhiên, VNSI chưa thực sự phổ biến với thị trường, chưa mang nhiều ý nghĩa với doanh nghiệp, nhà đầu tư.

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

21

Hình 9: Diễn biến chỉ số VNIndex và VNSI 2017-6T/2024



Nguồn: Bloomberg, Viện ĐTNC BIDV tổng hợp.

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

22

Cơ hội tài chính xanh tại Việt Nam

- **Xu hướng tất yếu;**
- **Hành lang pháp lý** cho tín dụng, cổ phiếu, trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh dần được hoàn thiện;
- **Định hướng và chiến lược tăng trưởng xanh** của Việt Nam đòi hỏi nguồn vốn lớn từ tín dụng, chứng khoán xanh;
- **Cam kết COP26** đòi hỏi Việt Nam đầu tư cho nhiều lĩnh vực như năng lượng tái tạo, quản lý chất thải, nông nghiệp xanh, vận tải carbon thấp, quản lý nước, ứng phó biến đổi khí hậu...v.v.;
- **Cam kết, nguồn vốn quốc tế** cho tăng trưởng xanh đã sẵn sàng.

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

23

Thách thức

- 1 Chưa có các sản phẩm tài chính xanh (sản phẩm tín dụng xanh, chứng khoán xanh) đặc thù/cụ thể;
- 2 Chưa có khung pháp lý, chính sách tổng thể, nhất quán liên quan đến tài chính xanh (nhất là quy định về phân loại xanh và xác nhận dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh...)
- 3 Việc thẩm định, đánh giá và quản lý rủi ro môi trường, xã hội còn gặp nhiều khó khăn do đội ngũ chuyên gia, nhân sự trong lĩnh vực này tại Việt Nam còn khá hạn chế.
- 4 Thiếu cơ chế phối hợp và ưu đãi cho các hoạt động tài chính xanh (ưu đãi thuế, phí; về hạn mức tín dụng; về lãi suất...)
- 5 Các dự án xanh thường có kỳ hạn dài (có thể lên đến 20 năm), chi phí đầu tư lớn... trong khi các nguồn vốn cho vay của các TCTD thường là vốn huy động ngắn, trung hạn.
- 6 Nhận thức của thị trường đối với ESG, tài chính xanh và bền vững chưa cao và chưa đồng đều.
- 7 Nhiều công ty niêm yết chưa chủ động trong việc đưa ESG vào định hướng kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; việc phát hành cổ phiếu xanh hầu như chưa có và báo cáo phát triển bền vững còn hạn chế.

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

24

5. Giải pháp – 10 nhóm chính sách/giải pháp

1. Gắn kết các chiến lược, kế hoạch phát triển xanh và tài chính xanh với quy hoạch, chiến lược phát triển KT-XH;
2. CP sớm ban hành **Danh mục “phân loại xanh”** (Danh mục xanh/Green Taxonomy), trong đó nên có xác định lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên và **tổ chức thẩm định/xác nhận đủ tiêu chuẩn xanh**;
3. **Có cơ chế, tiêu chí, phương thức đo lường/kiểm kê mức độ phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực, ngành nghề, đối tượng khác nhau để có định hướng chính sách điều tiết phù hợp**;
4. Ban hành chính sách định hướng thay đổi hành vi (nhất là tiêu dùng, sinh hoạt.); **đầu tư CSHT “xanh”** (năng lượng tái tạo, công nghệ khai khoáng...); **khuyến khích, hỗ trợ đổi mới sáng tạo** (xe điện, xe tiết kiệm năng lượng);
5. **Hỗ trợ tài chính** (thuế, phí, lãi suất, **gồm cả chi phí xác nhận xanh**, nếu có...) cho các sản phẩm, dịch vụ “xanh”; **ngiên cứu thành lập “Quỹ chuyển đổi xanh”, “Quỹ đầu tư mạo hiểm xanh”, “Quỹ tăng trưởng xanh”**;
6. **Thu hút nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư “xanh”**;
7. **Xây dựng hệ sinh thái tài chính xanh – mô hình 5Is**: (i) công cụ thị trường vốn (Instruments); (ii) nền tảng nhà đầu tư (Investors); (iii) hệ sinh thái các tổ chức phát hành (Issuers); (iv) văn hóa quản trị nội bộ đối với rủi ro môi trường trong tổ chức (Internal governance culture); và (v) hạ tầng thông tin (Information) (*kinh nghiệm của Malaysia*);
8. **Thành lập thị trường tín chỉ Carbon; tăng cường hợp tác quốc tế trong việc ban hành tiêu chí, chuẩn mực và huy động nguồn lực**;
9. **Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực** tham gia quá trình xanh hóa (bao gồm cả cơ quan quản lý, nhà đầu tư/nhà băng, nhà trường...); **tăng cường giáo dục tài chính**;
10. **Xây dựng cơ sở thông tin, dữ liệu** phục vụ dự báo, cảnh báo và quản lý rủi ro môi trường, biến đổi khí hậu...v.v.

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

25

Giải pháp (2)

• Đối với tín dụng xanh:

- Cập nhật tiêu chí tín dụng xanh, tín dụng đánh giá tác động môi trường, xã hội và quản trị (ESG) trên cơ sở Danh mục xanh; hướng tới có tiêu chí **“TCTD xanh”**?
- Xây dựng Quỹ tái cấp vốn, gói tín dụng xanh với lãi suất ưu đãi đối với các lĩnh vực ưu tiên;
- TCTD xây dựng quy trình, sổ tay thẩm định dành riêng cho tín dụng xanh; có sản phẩm, dịch vụ phù hợp đối với các lĩnh vực khác nhau;
- Tăng cường nâng cao nhận thức, đào tạo cán bộ về những lĩnh vực như ESG, năng lượng tái tạo, SX – tiêu dùng xanh... để hoạt động thẩm định, thiết kế sản phẩm và quản lý rủi ro được thực hiện phù hợp và hiệu quả hơn;
- Tín dụng xanh, chứng khoán xanh nên đóng vai trò **“dẫn dắt”, “góp phần điều tiết”** hành vi, thái độ và thực hiện đầu tư – sản xuất - tiêu dùng xanh của khách hàng, đối tác.../.

10/9/2024

TS.Cần Văn Lực/ Tài chính xanh

26

Giải pháp (3)

- **Đối với chứng khoán xanh:**
 - Cập nhật tiêu chí TP xanh, cổ phiếu xanh, chứng khoán bền vững trên cơ sở Danh mục xanh; hướng tới có tiêu chí “**CTCK, quỹ đầu tư xanh**”?
 - Hoàn thiện cơ sở hạ tầng của TTCK, trong đó có các tổ chức định hạng tín nhiệm, kiểm toán, tư vấn chuyên nghiệp;
 - Có các chính sách hỗ trợ DN như hỗ trợ chi phí phát hành, chi phí thực hiện định hạng tín nhiệm;
 - Đẩy mạnh tuyên truyền áp dụng Sổ tay “*Hướng dẫn trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững*”;
 - Đào tạo, nâng cao nhận thức, kiến thức về kinh tế xanh, tài chính xanh; tích cực tham gia Sáng kiến TTCK bền vững;
- **Chủ động xây dựng dự án, lượng hóa nhu cầu cụ thể và đề xuất tài trợ từ các quỹ đầu tư ESG trên thế giới;**
- **Quyết tâm nâng hạng TTCK (FTSE năm 2025 và MSCI năm 2030?).**

PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH XANH TẠI VIỆT NAM

Nhìn từ góc độ doanh nghiệp

Ngày 10 tháng 9 năm 2024

Diệp Thị Kim Hoàn
Giám đốc phát triển bền vững



NỘI DUNG

1. Nhu cầu tài chính xanh
2. Cơ hội và thách thức
3. Đề xuất





Thành lập năm 1997		05	Khu công nghiệp
Hải Phòng Quảng Ninh			Quy đất 3,400 Ha +
Thu hút 170 + Dự án đầu tư			Tổng vốn đầu tư 7.5+ tỉ USD
375 Công nhân viên			Chương trình Khu công nghiệp sinh thái tại Việt Nam



01 NHU CẦU VỀ TÀI CHÍNH XANH



TÀI CHÍNH XANH - KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

DEEP C
INDUSTRIAL ZONES



02 CƠ HỘI & THÁCH THỨC



Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050

"Huy động nguồn lực, điều phối các nguồn tài trợ trong và ngoài nước, nguồn tài chính khí hậu; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại xanh quốc gia; xác định những nhiệm vụ, dự án tăng trưởng xanh trọng điểm; xây dựng "Lộ trình hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng xanh gắn kết với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng trung hòa carbon..."

Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030

"Nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 gồm:

- Ngân sách nhà nước: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, chính sách ưu đãi về thuế
- Hỗ trợ quốc tế: vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn hỗ trợ và vay ưu đãi cho tăng trưởng xanh..."

Ngân hàng nhà nước

Ban hành các văn bản hướng dẫn các tổ chức tín dụng về định hướng phát triển tín dụng xanh :

- Thông tư 08/2022/TT-NHNN ngày 22/6/2022 quy định các nguyên tắc, tiêu chuẩn và quy trình cấp tín dụng cho các dự án xanh.
- Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025

Các quỹ và ngân hàng khác

- World Bank: Quỹ khí hậu xanh -> dự án giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
- Vietcombank: dự án bảo vệ môi trường, năng lượng sạch và tài nguyên bền vững
- Ngân hàng phát triển châu Á (ADB): dự án năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động môi trường
- Tập đoàn tài chính quốc tế (IFC): cho vay và đầu tư vốn cho các dự án xanh
- ...

KHÓ KHĂN THỬ THÁCH

Thiếu thông tin về các đơn vị cấp tín dụng xanh

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ khó tiếp cận các nguồn tài chính xanh do thiếu thông tin.

Chi phí tài chính thực tế:

- Lãi suất
- Phí bảo lãnh
- Phí xử lý hồ sơ

Tiêu chí dự án xanh

- Chưa cụ thể, rõ ràng
- Khác nhau giữa các đơn vị cấp tín dụng

Tài sản đảm bảo

- Các quỹ tín dụng xanh thường không chấp nhận tài sản đảm bảo, doanh nghiệp cần có bảo lãnh ngân hàng

Yêu cầu về quy mô dự án

- Các dự án quy mô nhỏ (<30 triệu USD) khó tiếp cận vốn vay nước ngoài

Rủi ro về chênh lệch tỷ giá

- Ngân hàng nước ngoài không có dịch vụ bảo đảm chênh lệch tỷ giá



03 ĐỀ XUẤT



ĐỀ XUẤT

DEEPC
INDUSTRIAL ZONES

1

Phát triển khung pháp lý với các tiêu chí đánh giá dự án xanh rõ ràng, có các chính sách hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ như ưu đãi lãi suất, gia hạn thời gian trả nợ, bảo lãnh tín dụng cho các dự án xanh, thủ tục đơn giản

2

Tạo quỹ đầu tư xanh để hỗ trợ tài chính cho các dự án của doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt trong các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, quản lý chất thải, hạ tầng dựa theo tự nhiên (nature-based infrastructure)

3

Các doanh nghiệp có thể liên kết với các tổ chức quốc tế, tham gia vào các dự án hợp tác hoặc nhận tận dụng các chương trình hỗ trợ từ các tổ chức tài chính quốc tế như World Bank, IFC hoặc ADB



DEEP C
INDUSTRIAL ZONES



THANK YOU

HAIPHONG OFFICE:

G Floor, Harbour View Office Tower
12 Tran Phu Street, Ngo Quyen Dist.,
Haiphong.

QUANG NINH OFFICE:

8-9 My Gia Street, Vinhomes Dragon Bay,
Hong Gai Ward, Ha Long City,
Quang Ninh Province.



T: +84 225 3836 169
F: +84 225 3859 130

info@deepc.vn
www.deepc.vn

ĐƠN VỊ TRUYỀN THÔNG VÀNG

